

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

TS.HỒ VĂN LIÊN

BÀI GIẢNG
GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG

TP.HCM, 2009

Chương 1
GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

I. GIÁO DỤC LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI ĐẶC BIỆT

1. Giáo dục là nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội loài người

Ngay từ khi xuất hiện trên trái đất, để tồn tại con người phải tiến hành hoạt động lao động. Trong lao động và trong cuộc sống hàng ngày con người tiến hành nhận thức thế giới xung quanh, dần dần tích lũy được một kho tàng kinh nghiệm phong phú bao gồm các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cùng những giá trị văn hóa xã hội như các chuẩn mực về đạo đức, niềm tin, các dạng hoạt động giao lưu của con người trong xã hội... Để duy trì sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, con

người có nhu cầu trao đổi và *truyền thụ* lại những kinh nghiệm đã tích lũy ấy cho nhau. Sự truyền thụ và tiếp thu hệ thống kinh nghiệm đó chính là hiện tượng giáo dục.

Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt vì chỉ có trong xã hội loài người giáo dục mới nảy sinh, phát triển và tồn tại vĩnh hằng. Lúc đầu giáo dục xuất hiện như một hiện tượng *tự phát*, diễn ra theo lối quan sát, bắt chước ngay trong quá trình lao động (săn bắt, hái lượm, chăn nuôi, trồng trọt...). Về sau giáo dục trở thành một hoạt động *tự giác có tổ chức, có mục đích, nội dung và phương pháp...* của con người. Xã hội loài người ngày càng biến đổi, phát triển, giáo dục cũng phát triển và trở thành một hoạt động *được tổ chức chuyên biệt*: có chương trình, kế hoạch, có nội dung, phương pháp khoa học... Như vậy, giáo dục là *hoạt động truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội từ thế hệ trước cho thế hệ sau nhằm chuẩn bị cho thế hệ sau tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội*.

Một quy luật của sự tiến bộ xã hội là *thế hệ trước* phải *truyền lại* cho *thế hệ sau* những hiểu biết, năng lực, phẩm chất cần thiết cho cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng. Thế hệ sau không chỉ *lĩnh hội, kế thừa* các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, giá trị... mà còn phải tìm tòi, sáng tạo và làm phong phú hơn những giá trị đó. Nhờ *lĩnh hội, tiếp thu, phát triển* những kinh nghiệm mà mỗi cá nhân hình thành và phát triển nhân cách của mình. Nhân cách mỗi người được phát triển ngày càng đầy đủ, phong phú, đa dạng, sức mạnh về tinh thần và thể chất của mỗi con người được phát huy sẽ tạo nên nguồn lực cơ bản đáp ứng các yêu cầu phát triển xã hội trong những giai đoạn lịch sử cụ thể. Như vậy, sự truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm được tích lũy trong quá trình phát triển xã hội loài người chính là nét đặc trưng cơ bản của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội đặc biệt. Giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích của con người, là hệ thống các tác động nhằm làm cho người học nắm được hệ thống các giá trị văn hoá của loài người và tổ chức cho người học sáng tạo thêm những giá trị văn hoá đó. Giáo dục làm nhiệm vụ *chuyển giao* những tinh hoa văn hoá, đạo đức, thẩm mỹ... của nhân loại cho thế hệ sau, là cơ sở giúp các thế hệ sau nối tiếp nhau sáng tạo, nâng cao những gì mà nhân loại đã học được. Cho nên có thể coi giáo dục như một kiểu *di truyền xã hội – giáo dục thực hiện cơ chế di sản xã hội*: là cơ chế *truyền đạt và lĩnh hội* kinh nghiệm đã được tích lũy trong quá trình phát triển của xã hội loài người. Chúng ta có thể thấy nếu không có cơ chế di sản xã hội - không có giáo dục thì loài người không tồn tại với tư cách loài người, không có tiến bộ xã hội, không có học vấn, không có văn hoá, văn minh. Vì vậy, bất kỳ xã hội nào muốn tồn tại và phát triển được đều phải tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục liên tục đối với các thế hệ con người. Giáo dục là nhu cầu tất yếu của xã hội loài người và sự xuất hiện hiện tượng giáo dục trong xã hội là một tất yếu lịch sử.

Tóm lại, giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt chỉ có trong xã hội loài người, giáo dục nảy sinh, biến đổi và phát triển cùng với sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của xã hội loài người. Bản chất của hiện tượng giáo dục là sự truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các thế hệ loài người, *chức năng trọng yếu của giáo dục đối với xã hội là hình thành và phát triển nhân cách con người*. Với ý nghĩa đó giáo dục là nhu cầu không thể thiếu được cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

2. Các tính chất cơ bản của giáo dục

2.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng

Giáo dục hiện diện trong tất cả các chế độ, các giai đoạn lịch sử của nhân loại, không hoàn toàn lệ thuộc vào tính chất, cơ cấu xã hội như thế nào. Trong bất kỳ một chế độ xã hội hay một giai đoạn lịch sử nào thì *mục đích của giáo dục* vẫn là chăm sóc, dạy dỗ, đào tạo con người, là truyền thụ một cách có ý thức cho thế hệ trẻ những kinh nghiệm xã hội, những giá trị văn hoá, tinh thần của loài người và dân tộc, làm cho thế hệ trẻ có khả năng tham gia mọi mặt vào cuộc sống xã hội. Vì vậy giáo dục tồn tại và phát triển mãi cùng với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

2.2. Tính nhân văn

Giá trị nhân văn là những giá trị chung đảm bảo cho sự sống, tồn tại và phát triển chung của mọi người, mọi dân tộc, quốc gia trên trái đất, là những giá trị vì con người, cho con người, những giá trị vì sự sống hôm nay và ngày mai. Giáo dục luôn phản ánh những giá trị nhân văn – giá trị văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ chung nhất của nhân loại và những nét bản sắc văn hóa truyền thống của từng dân tộc, từng quốc gia. Giáo dục luôn hướng con người đến những cái hay, cái đẹp, cái tốt,

phát huy những yếu tố tích cực trong mỗi con người nhằm phát triển và hoàn thiện nhân cách mỗi người.

2.3. Tính xã hội - lịch sử

Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, giáo dục có mối liên hệ có tính quy luật với trình độ phát triển của xã hội, thể hiện tính qui định của xã hội đối với giáo dục. Giáo dục nảy sinh trên cơ sở kinh tế – xã hội nhất định, do đó tính chất, mục đích, nhiệm vụ, nội dung của một nền giáo dục bao giờ cũng chịu sự quy định của các quá trình xã hội trong xã hội đó. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã trải qua các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, do đó các nền giáo dục tương ứng cũng khác nhau. Khi những quá trình xã hội biến đổi, bắt nguồn từ những biến đổi về trình độ sức sản xuất, tính chất của quan hệ sản xuất xã hội kéo theo những biến đổi về chính trị - xã hội, cấu trúc xã hội, hệ tư tưởng xã hội thì toàn bộ hệ thống giáo dục tương ứng với hình thái kinh tế - xã hội đó cũng phải biến đổi theo. Chẳng hạn, lịch sử loài người đã phát triển qua 5 giai đoạn và có 5 nền giáo dục tương ứng với 5 giai đoạn phát triển của xã hội, đó là nền giáo dục công xã nguyên thủy, nền giáo dục chiếm hữu nô lệ, nền giáo dục phong kiến, nền giáo dục tư bản chủ nghĩa và nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Ngay trong một xã hội nhất định, ở mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể, giáo dục mang những tính chất và hình thái cụ thể khác nhau. Mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức giáo dục, chính sách giáo dục... tại một giai đoạn phát triển của xã hội luôn chịu sự qui định bởi các điều kiện xã hội ở giai đoạn xã hội ấy. Vì vậy trong quá trình phát triển của giáo dục luôn diễn ra việc cải cách, đổi mới giáo dục nhằm làm cho nền giáo dục đáp ứng ngày càng cao những yêu cầu phát triển của thực tiễn xã hội trong từng giai đoạn nhất định.

Từ tính chất này của giáo dục có thể thấy giáo dục “không nhất thành bất biến”; việc sao chép nguyên bản mô hình giáo dục của một nước này cho một nước khác, giai đoạn này cho giai đoạn khác là một việc làm phản khoa học. Những cải tiến, thay đổi, điều chỉnh, cải cách giáo dục qua từng thời kỳ phát triển xã hội là một tất yếu khách quan.

2.4. Tính giai cấp

Trong xã hội có giai cấp, giáo dục bao giờ cũng mang tính giai cấp – đó là một tính qui luật quan trọng trong việc xây dựng và phát triển giáo dục. Tính giai cấp của giáo dục là sự phản ánh lợi ích của giai cấp đó trong các hoạt động giáo dục, thể hiện giáo dục cho ai? Giáo dục nhằm mục đích gì? Giáo dục cái gì? và giáo dục ở đâu?... Trong xã hội có giai cấp, giáo dục là một phương thức đấu tranh giai cấp, nhà trường là công cụ của chuyên chính giai cấp, hoạt động giáo dục cũng như môi trường nhà trường là một trận địa đấu tranh giai cấp. Tính giai cấp của giáo dục thể hiện trong toàn bộ hệ thống giáo dục và trong toàn bộ hoạt động của nhà trường, từ mục đích giáo dục, nội dung giáo dục đến phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục...

Trong xã hội có giai cấp đối kháng thì giai cấp thống trị bao giờ cũng dành độc quyền về giáo dục và dùng giáo dục làm công cụ, phương thức truyền bá tư tưởng, duy trì vị trí xã hội, củng cố nền thống trị và sự bóc lột của nó đối với nhân dân lao động. Do đó toàn bộ nền giáo dục từ mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục đến việc tổ chức các kiểu học, các loại trường và việc tuyển chọn người học, người dạy... đều nhằm phục vụ cho mục đích và quyền lợi của giai cấp thống trị xã hội. Nền giáo dục trong xã hội có giai cấp đối kháng mang tính chất bất bình đẳng, phản dân chủ rõ rệt và tính chất phát triển phiến diện trong việc đào tạo con người.

Nền giáo dục Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền giáo dục mang tính dân chủ, tính nhân đạo sâu sắc, hướng vào việc phát triển toàn diện và hài hoà nhân cách của mọi thành viên trong xã hội. Nhà trường của chúng ta là công cụ của chuyên chính vô sản theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nên mục tiêu chung của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; tạo cơ hội và điều kiện cho mọi người đều được học tập, được phát triển toàn diện về nhân cách và trở thành người công dân, người lao động sáng tạo, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước giàu mạnh.

3. Các chức năng xã hội cơ bản của giáo dục

Trong quá trình tồn tại và phát triển, giáo dục và xã hội có một mối quan hệ ràng buộc, tất yếu, hữu cơ mang tính quy luật. Chính sự phát triển của mối quan hệ đó làm cho xã hội và giáo dục đều

phát triển. Đặc biệt trong thời đại ngày nay giáo dục được xem không chỉ là sản phẩm của xã hội mà đã trở thành nhân tố tích cực - động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội loài người.

3.1. Chức năng kinh tế – sản xuất

Xã hội loài người muốn tồn tại và phát triển thì phải có việc thế hệ đi trước truyền lại những kinh nghiệm lịch sử - xã hội cho thế hệ đi sau để họ tham gia vào đời sống xã hội, phát triển sản xuất, thoả mãn ngày càng cao nhu cầu của con người. Công việc đó do giáo dục đảm nhận. Bất kỳ một nước nào muốn phát triển kinh tế, sản xuất thì phải có đủ nhân lực và nhân lực phải có chất lượng cao. Nhân lực là lực lượng lao động của xã hội, là đội ngũ những người lao động đang làm việc trong tất cả các ngành nghề, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội... đảm bảo cho xã hội vận động và phát triển đúng quy luật.

Chức năng kinh tế - sản xuất của giáo dục thể hiện tập trung nhất thông qua việc *đào tạo nhân lực*. Cụ thể là giáo dục đào tạo những người lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất nhân cách cao, giáo dục *tạo ra sức lao động mới* một cách khéo léo, tinh xảo, hiệu quả để vừa thay thế sức lao động cũ bị mất đi, vừa tạo ra sức lao động mới cao hơn, góp phần tăng năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế – xã hội. Chính giáo dục đã *tái sản xuất sức lao động* xã hội, tạo ra lực lượng trực tiếp sản xuất và quản lý xã hội với trình độ, năng lực cao. Giáo dục giúp cho mọi thành viên trong xã hội các cơ hội được mở mang trí tuệ, trau dồi nhân cách, phát triển các sức mạnh tinh thần và thể chất để vươn lên làm chủ trong lao động, trong cuộc sống cộng đồng.... Khi mọi thành viên của xã hội đều được tiếp nhận một nền giáo dục đúng đắn thì xã hội thực sự được tái sản xuất sức lao động với chất lượng cao hơn. Người lao động, do kết quả đào tạo của nhà trường sẽ được phát triển hài hòa các năng lực chung và riêng và do đó xã hội sẽ được tăng thêm sức lao động mới thay thế sức lao động cũ bị mất đi. Sức lao động mới có chất lượng hơn sẽ đem lại năng suất lao động nhiều hơn.

Đặc biệt trong xã hội hiện đại, khi trình độ phát triển của nền kinh tế là do trình độ của con người được giáo dục và đào tạo ra quyết định thì vai trò của giáo dục càng được khẳng định. Trong nền kinh tế thị trường, *nguồn nhân lực* còn được gọi là *nguồn vốn nhân lực* (cùng với nguồn vốn tài nguyên, nguồn vốn sản xuất và nguồn vốn khoa học – công nghệ) với *tư cách là một nhân tố tăng trưởng kinh tế*. Trong các nguồn vốn thì vốn nhân lực được coi quan trọng nhất bởi lẽ nó không đơn thuần là một nguồn vốn mà nó còn giữ vai trò chủ thể đối với các nguồn vốn khác, nó quyết định khả năng khai thác và hiệu quả sử dụng các nguồn vốn khác. Theo lí thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại, tỉ lệ tăng GDP phụ thuộc vào tốc độ tăng của các yếu tố đầu vào: *nhân lực, vốn sản xuất, tài nguyên, khoa học – công nghệ* và hiệu quả sử dụng chúng. Tuy nhiên những nghiên cứu của các nhà kinh tế học, quản lý xã hội và quản lý kinh tế đã thừa nhận vốn và kỹ thuật chỉ góp một phần nhỏ vào tăng trưởng kinh tế, còn phần rất quan trọng của “sản phẩm thặng dư” gắn liền với chất lượng nguồn nhân lực (trình độ được giáo dục về thể lực, trí lực, tâm lực). Vai trò của nhân lực ở chỗ, trước hết nó là một đầu vào của tăng trưởng GDP, sau nữa nó còn có ý nghĩa quyết định đối với tỷ lệ tăng của các nguồn lực khác.

Như vậy, với chức năng kinh tế - sản xuất giáo dục là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế phát triển và giáo dục phải đi trước sự phát triển kinh tế - xã hội. Khi nền khoa học và công nghệ đạt đến trình độ phát triển cao, nhu cầu xã hội đa dạng, người lao động phải là những người có trình độ học vấn cao, có kiến thức rộng, có tay nghề vững, có tính năng động, sáng tạo... thì giáo dục phải đào tạo nhân lực một cách có hệ thống, chính qui ở trình độ cao.

3.2. Chức năng chính trị – xã hội

Bên cạnh chức năng tái sản xuất sức lao động xã hội, giáo dục còn mang *chức năng chính trị - xã hội*. Giáo dục không đứng ngoài chính trị mà nó là phương thức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách... của một chế độ chính trị, giai cấp hay chính đảng cầm quyền. Giáo dục trực tiếp truyền bá hệ tư tưởng chính trị, đường lối chính sách của giai cấp nắm quyền và trực tiếp đào tạo chuẩn bị cho thế hệ trẻ tham gia vào cuộc sống, bảo vệ chế độ chính trị, xã hội đương thời.

Xã hội nào cũng có cấu trúc của nó – đó là một tổng thể, một tập hợp bao gồm các bộ phận, các yếu tố tạo thành xã hội như cộng đồng xã hội, dân tộc, giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội.v.v... đã được hình thành một cách lịch sử – tự nhiên, tất yếu khách quan trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất

định. Giáo dục tác động đến cấu trúc xã hội là tác động đến tập hợp các bộ phận xã hội và tính chất của các mối quan hệ giữa các bộ phận đó. Trong xã hội phong kiến, giáo dục góp phần không nhỏ trong việc khoét sâu thêm sự phân chia giai cấp, xây dựng một cấu trúc xã hội mang tính chất giai cấp và đẳng cấp rõ rệt. Những chính sách giáo dục phân biệt, bất bình đẳng trong xã hội phong kiến đã duy trì vị trí đối kháng giữa các đẳng cấp và giai tầng xã hội. Giáo dục xã hội chủ nghĩa góp phần làm cho cấu trúc xã hội trở nên thuần nhất hơn bằng cách xoá bỏ sự phân chia giai cấp và làm cho các tầng lớp xích lại gần nhau. Nền Giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền giáo dục “của dân, do dân, vì dân”, nền giáo dục bình đẳng cho tất cả mọi người, giáo dục góp phần nâng cao trình độ học vấn chung đã làm cho các tầng lớp xã hội được xích lại gần nhau. Nhờ đó, trong xã hội ta các tầng lớp xã hội tuy khác nhau về lợi ích xã hội, về tính chất và trình độ xã hội, về hoạt động và phát triển xã hội, song cùng đoàn kết, hợp tác đấu tranh xây dựng xã hội nhằm đạt tới mục tiêu chung: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

3.3. Chức năng tư tưởng – văn hóa

Giáo dục có tác dụng to lớn đến việc xây dựng một hệ tư tưởng chi phối toàn xã hội, hình thành ở mỗi cá nhân thế giới quan, tư tưởng chính trị, ý thức, tình cảm và hành vi đạo đức phù hợp với các chuẩn mực xã hội. “Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng” (Điều 3, chương I, Luật giáo dục 2005). Nền giáo dục Việt Nam phải phục vụ mục đích chính trị tốt đẹp và tư tưởng cao quý của Đảng Cộng sản Việt Nam, hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh.

Giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các thế hệ, quá trình này giúp cho mỗi cá nhân tích lũy kiến thức, mở mang trí tuệ, hình thành và nâng cao trình độ văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ cho mỗi cá nhân và cho toàn xã hội. Một quốc gia giàu mạnh là một quốc gia có nền kinh tế vững mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến, chính trị bền vững và trình độ dân trí cao. Giáo dục góp phần xây dựng và nâng cao trình độ dân trí – trình độ văn hóa chung cho toàn xã hội. Nền giáo dục không chỉ hướng vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực mà còn hướng vào quá trình phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Giáo dục không chỉ thực hiện sứ mệnh lịch sử là chuyên tải nền văn hóa của thế hệ này cho thế hệ kia mà còn là phương thức đặc trưng cơ bản để bảo tồn và phát triển nền văn hóa của dân tộc và nhân loại. Giáo dục bảo tồn, phát triển nền văn hoá dân tộc và nhân loại thông qua các con đường giáo dục, trong đó dạy học là con đường cơ bản nhất. Thông qua các con đường giáo dục học sinh không chỉ biết gìn giữ mà còn có khả năng làm phong phú, sáng tạo thêm những giá trị văn hóa, những loại hình văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc...

Tóm lại, thông qua ba chức năng xã hội, giáo dục đã góp phần vào sự phát triển của xã hội, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao về sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ xã hội, ý thức xã hội... Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, giáo dục được quan niệm không chỉ là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng, mà nó còn là một bộ phận thuộc hạ tầng cơ sở, “Giáo dục không chỉ là sự phản ánh đơn thuần các lực lượng kinh tế và xã hội đang hoạt động trong một xã hội. Nó còn là một phương tiện quan trọng để cấu thành các lực lượng kinh tế - xã hội và văn hóa và quyết định chiều hướng phát triển của các lực lượng này. Đến lượt mình động lực của các lực lượng này lại tác động đến đặc điểm của giáo dục. Do vậy, có một mối quan hệ vòng tròn trong mối quan hệ qua lại giữa giáo dục và một loạt các nhân tố xã hội và con người khác”. (Raja Roy Singh). Thế giới coi giáo dục là động lực cơ bản, là đòn bẩy mạnh mẽ, là điều kiện tiên quyết thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Đảng CSVN khẳng định phát triển giáo dục là “quốc sách hàng đầu” và “đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển bền vững nhất”.

II. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA GIÁO DỤC HỌC

Trước khi nghiên cứu bất kỳ một khoa học nào, muốn có một hướng đi đúng đắn trong quá trình lĩnh hội hệ thống tri thức của khoa học đó, cần phải nhận thức được đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của khoa học đó.

1. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học

1.1. Vài nét về sự ra đời và phát triển của Giáo dục học

Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người. Giáo dục học với tư cách là một khoa học về giáo dục con người lại được hình thành muộn hơn nhiều. Những công trình nghiên cứu cho thấy Giáo dục học ra đời khi giáo dục đóng một vai trò rõ rệt trong cuộc sống xã hội và xã hội có nhu cầu tổng kết những kinh nghiệm giáo dục, đặc biệt là nhu cầu xây dựng những cơ quan chuyên biệt phụ trách việc chuẩn bị một cách có kế hoạch cho thế hệ trẻ đi vào cuộc sống. Điều này đã được chứng minh trong lịch sử phát triển của Giáo dục học:

- Thực tiễn tổ chức và tiến hành quá trình giáo dục đã làm nảy sinh những kinh nghiệm giáo dục. Những kinh nghiệm giáo dục (đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục đạo đức, lao động, thẩm mỹ và giáo dục gia đình) đã được ghi lại trong kho tàng văn hóa dân gian: ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, truyện kể...

- Từ thời kỳ cổ đại, những kinh nghiệm giáo dục đã bắt đầu được tổng kết, song dưới dạng những tư tưởng giáo dục. Những tư tưởng giáo dục này được hình thành với những tư tưởng triết học và được trình bày trong những hệ thống triết học của Xôcrát (469 – 399 TCN), Đêmocrit (460 – 370 TCN), Aristót (384 – 322 TCN), Khổng tử (551 – 479 TCN) v.v...

- Đến cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, khi mầm mống của Chủ nghĩa tư bản xuất hiện, nhân loại bước vào thời kỳ Phục Hưng. Theo các nhà nghiên cứu thì chính bước quá độ từ chế độ Phong kiến qua Chủ nghĩa tư bản đã làm xuất hiện những hệ thống tri thức mới, trong đó có nhiều khoa học tách ra khỏi Triết học, trong đó có Giáo dục học... Đầu thế kỷ thứ XVII, Giáo dục học với tư cách là một khoa học được tách ra từ Triết học và trở thành một khoa học độc lập gắn liền với tên tuổi của J. A. Cômênxki (1592–1670) – nhà giáo dục người Sec vĩ đại với tác phẩm lớn nhất của ông: “*Phép giảng dạy vĩ đại*”.

- Tiếp đó, nhiều nhà lịch sử tư tưởng giáo dục tiếp tục góp phần phát triển Giáo dục học như là một khoa học độc lập: J. Lôccơ (1632 – 1701) – nhà triết học Anh; các nhà giáo dục Pháp như: J.J.Rút xô(1712 – 1778), Đ.Đidơrô (1713-1784), nhà giáo dục Thụy sĩ J.G.Pextalôgi (1746-1827), nhà giáo dục Đức F. Đixtervec (1790-1866), nhà giáo dục Nga K.D. Usinxki (1824-1870)... Đến giữa thế kỷ XIX với sự xuất hiện của học thuyết Mac – Lênin về giáo dục thì Giáo dục học đã thực sự trở thành một khoa học về giáo dục con người, có cơ sở phương pháp luận đúng đắn và vững chắc.

Như vậy, Giáo dục học đã được hình thành và phát triển qua một quá trình lịch sử lâu dài: từ chỗ là một bộ phận của Triết học đến chỗ trở thành một khoa học độc lập; từ chỗ dựa trên những tư tưởng giáo dục đến chỗ xây dựng được hệ thống lý luận ngày càng phong phú, đa dạng; từ chỗ chưa có đầy đủ cơ sở khoa học đến chỗ thực sự là một khoa học dựa trên phương pháp luận Mác xít. Giáo dục học là một khoa học với đầy đủ 4 tiêu chí:

- Đối tượng nghiên cứu
- Nhiệm vụ nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Hệ thống khái niệm, phạm trù, lý thuyết, giả thuyết khoa học...

1.2. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học

Có rất nhiều khoa học nghiên cứu về con người, Giáo dục học nghiên cứu lĩnh vực nào về con người? Giáo dục học là một khoa học về việc giáo dục con người. Nó có *đối tượng nghiên cứu là bản chất, qui luật của hoạt động giáo dục con người, mục đích, mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, phương tiện và các hình thức tổ chức giáo dục con người một cách hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định.*

Việc giáo dục con người diễn ra theo qui luật trong quá trình giáo dục (có mở đầu, diễn biến, kết thúc) hay hoạt động giáo dục (có chủ thể, đối tượng). Ở đây chúng ta tiếp cận giáo dục với tư cách là một hoạt động giáo dục. Hoạt động giáo dục (HĐGD) – đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học được hiểu với hàm nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ các tác động giáo dục được định hướng theo mục đích xác định, được tổ chức một cách hợp lý, khoa học nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người.

Giáo dục với tư cách là một hoạt động xã hội nên nó có những *đặc trưng chung* như: tính định hướng, độ lâu về thời gian, là một dạng vận động và phát triển liên tục, kế tiếp của các trạng thái, vận động do tác động của những điều kiện bên trong và bên ngoài, tuân theo những qui luật

khách quan vốn có của nó và biểu hiện thông qua hoạt động của con người... Tuy nhiên hoạt động giáo dục có những đặc trưng chủ yếu, riêng biệt:

- HĐGD là một hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch hợp lý, khoa học hướng vào việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người theo những mục đích và điều kiện do xã hội qui định ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

- HĐGD luôn có sự tương tác và phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa hoạt động của nhà giáo dục (người dạy) và hoạt động của người được giáo dục (người học), trong đó nhà giáo dục giữ vai trò chủ đạo và người được giáo dục là chủ thể hoạt động độc lập sáng tạo. Mối quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục trong HĐGD là một mối quan hệ xã hội đặc biệt – quan hệ giáo dục.

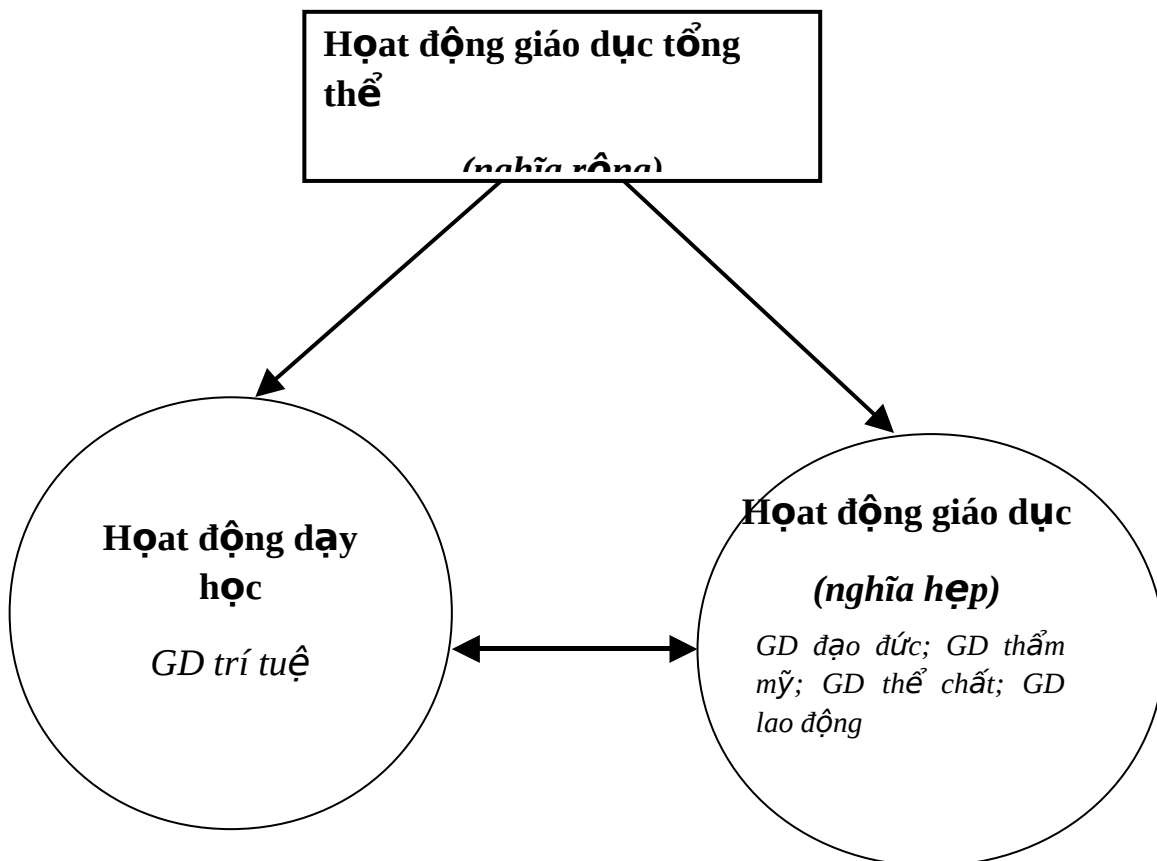
- HĐGD là một dạng vận động và phát triển liên tục của các hiện tượng, các tình huống dạy học và giáo dục, các loại hình hoạt động, giao lưu của người được giáo dục... được nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn thực hiện theo những qui trình nhất định.

- HĐGD (theo nghĩa rộng) hay hoạt động sư phạm bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp). Các hoạt động này phản ánh những qui luật chung của hoạt động giáo dục tổng thể, nhưng chúng cũng phản ánh các qui luật đặc thù riêng của từng hoạt động cụ thể.

- HĐGD có mối quan hệ chặt chẽ với các hoạt động xã hội khác...

HĐGD tổng thể là một hệ thống lớn (vĩ mô) bao gồm những hệ thống nhỏ (vi mô) là những hoạt động giáo dục bộ phận: hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp). Những hoạt động bộ phận này thống nhất với nhau, có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ nhau và có thể thâm nhập vào nhau, nhưng chúng không phải đồng nhất mà có tính độc lập tương đối của nó. Hoạt động dạy học với chức năng trội là trau dồi học vấn, truyền thụ và lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo nhận thức và thực hành cho người học. Hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp) với chức năng trội là hình thành, phát triển thế giới quan khoa học, những phẩm chất đạo đức, pháp luật, lao động, thẩm mỹ, thái độ, tính cách, thói quen... cho người được giáo dục. Hai hoạt động này gắn bó chặt chẽ với nhau: dạy học phải đi đến giáo dục và giáo dục dựa trên cơ sở dạy học, thúc đẩy dạy học.

Sau đây là sơ đồ về cấu trúc tổng thể của hoạt động giáo dục:



Hoạt động giáo dục tổng thể cũng như mỗi hoạt động giáo dục bộ phận đều là các hệ thống và được tạo thành bởi các nhân tố sau:

- *Chủ thể giáo dục*: Nhà giáo dục là chủ thể đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động giáo dục. Chủ thể giáo dục cũng chính là người được giáo dục.

- *Khách thể giáo dục*: Người được giáo dục vừa là đối tượng giáo dục vừa là chủ thể tự giáo dục.

- *Mục đích, nhiệm vụ giáo dục*

Mục đích giáo dục là mẫu nhân cách con người mà giáo dục cần đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội trong từng giai đoạn phát triển của xã hội. Đây là nhân tố hàng đầu của hoạt động giáo dục định hướng cho sự vận động và phát triển của toàn bộ hoạt động giáo dục. Để thực hiện tốt mục đích này, giáo dục phải thực hiện các nhiệm vụ giáo dục: giáo dục trí tuệ, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể chất, giáo dục lao động. Các nhiệm vụ giáo dục có mối quan hệ biện chứng với nhau.

- *Nội dung giáo dục*

Nội dung giáo dục là hệ thống những kinh nghiệm xã hội được chọn lọc trong kho tàng kinh nghiệm của nhân loại, tạo nên nội dung hoạt động thống nhất cho nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm đạt được mục đích giáo dục đã định.

- *Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục*

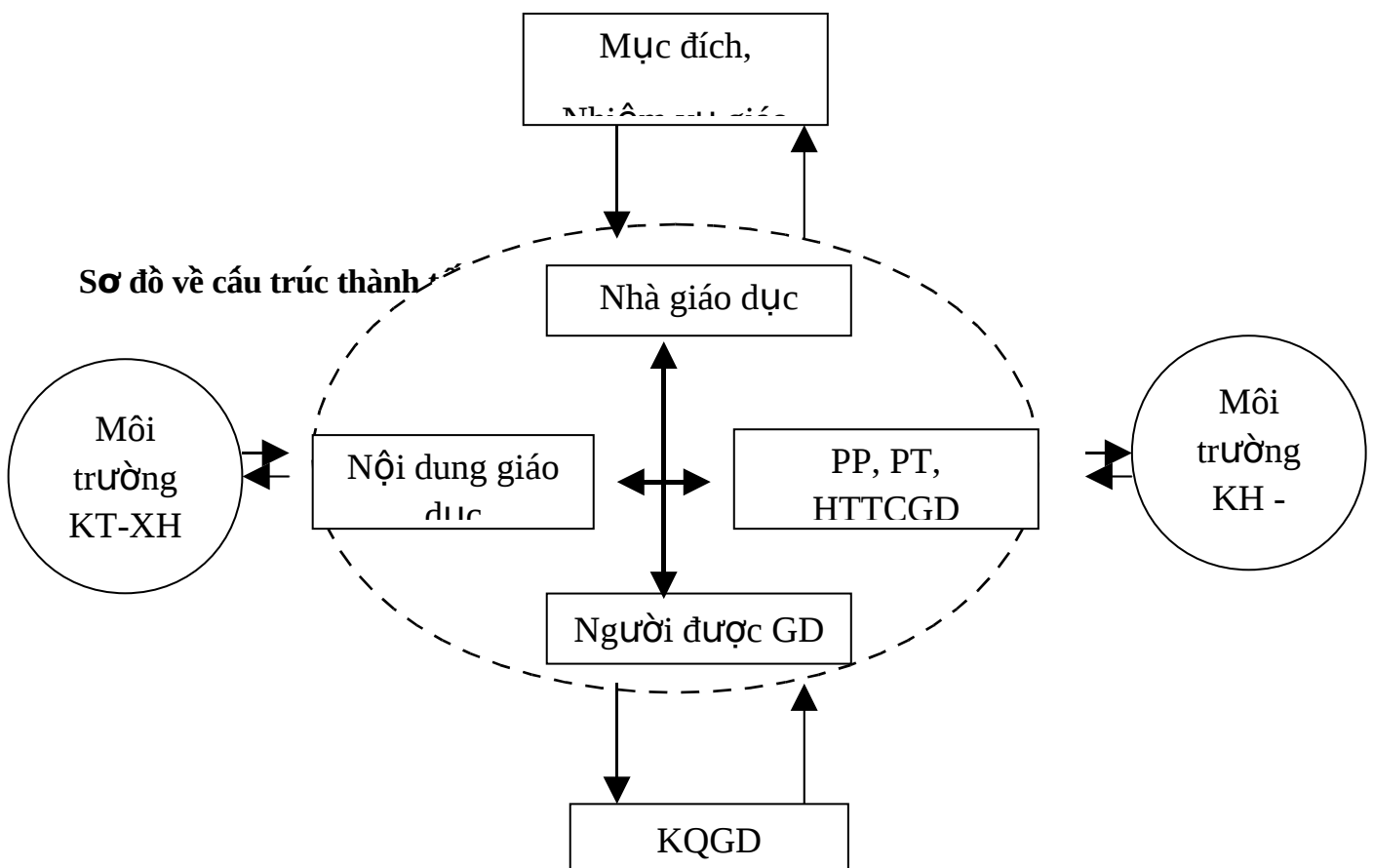
Phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục là cách thức, phương tiện, hình thức hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm thực hiện những nhiệm vụ giáo dục và đạt tới mục đích giáo dục đã định.

- *Kết quả giáo dục*

Kết quả giáo dục là kết quả tổng hợp của toàn bộ hoạt động giáo dục nhưng thể hiện tập trung nhất ở mức độ phát triển nhân cách của người được giáo dục sau mỗi hoạt động giáo dục nhất định

- Tham gia vào hoạt động giáo dục còn có những điều kiện giáo dục bên ngoài (môi trường KT – XH và KH – CN...), những điều kiện bên trong (môi trường sư phạm).

Những nhân tố của HĐGD có mối quan hệ thống nhất, tác động biện chứng với nhau đồng thời những nhân tố này còn có mối quan hệ mật thiết, biện chứng với môi trường bên ngoài và môi trường bên trong. Khi một nhân tố thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của các nhân tố khác.



2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học

- Nghiên cứu bản chất của giáo dục và mối quan hệ giữa giáo dục với các bộ phận khác của xã hội.

- Nghiên cứu các qui luật của giáo dục.

- Nghiên cứu các nhân tố của HĐGD (mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục...). Từ đó tìm tòi con đường nâng cao chất lượng và hiệu quả HĐGD.

Cùng với sự phát triển và đổi mới giáo dục, nhiều vấn đề mới trong thực tiễn nảy sinh, đòi hỏi sự đáp ứng của Giáo dục học trong giai đoạn mới. Vì vậy nhiệm vụ của Giáo dục học còn thể hiện ở việc giải quyết những vấn đề sau:

- Nghiên cứu và hoàn thiện những vấn đề thuộc phạm trù phương pháp luận khoa học giáo dục.

- Nghiên cứu góp phần giải quyết mâu thuẫn lớn giữa yêu cầu vừa phải phát triển nhanh qui mô giáo dục, vừa phải nâng cao chất lượng trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng yêu cầu còn nhiều hạn chế.

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục trong nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục trong những điều kiện mới...

- Các vấn đề trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong quản lý giáo dục và đào tạo...

3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học

3.1. Phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là lý thuyết về phương pháp nhận thức khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học là lý thuyết về phương pháp nghiên cứu các hiện tượng giáo dục nhằm phát hiện ra bản chất và qui luật của chúng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Những quan điểm phương pháp luận còn được gọi là quan điểm tiếp cận đối tượng nghiên cứu hay phương pháp tiếp cận. Những quan điểm phương pháp luận nghiên cứu Giáo dục học là “kim chỉ nam” định hướng, dẫn dắt nhà nghiên cứu trên con đường tìm tòi, sáng tạo. Trong nghiên cứu Giáo dục học có những quan điểm phương pháp luận sau đây:

- *Quan điểm hệ thống - cấu trúc*

Quan điểm này đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu phải xem xét đối tượng một cách toàn diện, nhiều mặt, nhiều chiều, nhiều mối quan hệ khác nhau và trong trạng thái vận động, phát triển của chúng, từ đó tìm ra bản chất và qui luật vận động của đối tượng nghiên cứu.

- *Quan điểm lịch sử - logic*

Quan điểm này đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu cần tìm hiểu, phát hiện nguồn gốc nảy sinh, phát triển của đối tượng trong những thời gian và không gian cụ thể với những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, từ đó phát hiện bản chất, chất lượng mới và quy luật phát triển tất yếu của đối tượng nghiên cứu.

- *Quan điểm thực tiễn*

Quan điểm này đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu phải xuất phát từ thực tiễn giáo dục, do yêu cầu của thực tiễn giáo dục đề ra. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học phải là một trong những vấn đề cấp thiết của thực tiễn khách quan mà khi giải quyết vấn đề đó thì góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3.2. Các phương pháp nghiên cứu Giáo dục học

3.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Đây là nhóm phương pháp nhận thức khoa học giáo dục bằng con đường suy luận dựa trên các tài liệu lý thuyết đã được thu thập từ các nguồn khác nhau như sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, văn bản, nghị quyết, công trình nghiên cứu của người khác v.v... Các tài liệu được phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa để tạo thành những tri thức, lý thuyết giáo dục mới làm cơ sở khoa học cho vấn đề nghiên cứu.

3.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Đây là các phương pháp xem xét, phân tích đối tượng khoa học một cách trực tiếp trong thực tiễn.

a. *Phương pháp quan sát sự phạm*

- Quan sát sư phạm là phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu bằng cách tri giác có chủ định đối tượng và các yếu tố liên quan đến đối tượng. Quan sát với tư cách là phương pháp nghiên cứu khoa học là một hoạt động có mục đích, có kế hoạch và hệ thống của nhà nghiên cứu nhằm thu thập những tài liệu về thực tiễn giáo dục làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tương ứng hoặc kiểm chứng cho lý thuyết, giả thuyết...

- Theo mối quan hệ giữa đối tượng quan sát và chủ thể quan sát thì có các dạng quan sát trực tiếp, quan sát gián tiếp, quan sát công khai, kín đáo. Theo dấu hiệu về thời gian thì có quan sát lâu dài, quan sát thời gian ngắn. Theo nhiệm vụ thì có quan sát phát hiện, quan sát kiểm nghiệm...

- Những yêu cầu của phương pháp quan sát:

+ Xác định rõ ràng mục đích, nhiệm vụ và đối tượng quan sát

+ Xây dựng kế hoạch, tiến trình quan sát

+ Chuẩn bị chu đáo về mọi mặt: lý luận, thực tiễn, phương pháp, phương tiện quan sát...

+ Tiến hành quan sát cẩn thận và có hệ thống theo kế hoạch

+ Ghi chép kết quả quan sát khách quan, chính xác

+ Kiểm tra lại kết quả quan sát.

b. Phương pháp điều tra giáo dục

* *Điều tra bằng trò chuyện (phỏng vấn)*

Điều tra bằng trò chuyện là phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu qua trao đổi ý kiến trực tiếp với những người được nghiên cứu.

Các loại trò chuyện: trò chuyện trực tiếp; trò chuyện gián tiếp; trò chuyện thẳng; trò chuyện đường vòng; trò chuyện bổ sung; trò chuyện đi sâu; trò chuyện phát hiện; trò chuyện kiểm nghiệm.

Muốn trò chuyện có kết quả cần đảm bảo các yêu cầu:

- Xác định rõ ràng mục đích, yêu cầu cuộc trò chuyện

- Thiết kế hệ thống câu hỏi cơ bản phù hợp với mục đích trò chuyện

- Tìm hiểu người đối thoại để lựa chọn cách trò chuyện phù hợp

- Biết cách điều khiển câu chuyện và đúng mục đích.

- Tạo không khí tự nhiên, thân mật, cởi mở trong khi trò chuyện.

* *Điều tra bằng phiếu hỏi (ankét)*

Điều tra bằng phiếu hỏi (ankét) là phương pháp sử dụng một hệ thống câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lượng lớn đối tượng được nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến của họ về vấn đề nghiên cứu dưới hình thức viết. Căn cứ vào mục đích, tính chất của việc điều tra, người ta có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau:

- Câu hỏi “đóng” là những câu hỏi có kèm theo phương án trả lời. Người được trưng cầu ý kiến có thể lựa chọn một số phương án phù hợp với nhận thức của mình.

- Câu hỏi “mở” là những câu hỏi không có sẵn phương án trả lời và người được trưng cầu ý kiến tự trả lời theo yêu cầu của người hỏi.

Điều tra bằng ankét có thể phân loại như sau:

- Điều tra thăm dò (câu hỏi rộng và nông) nhằm thu nhập tài liệu ở mức sơ bộ về đối tượng.

- Điều tra sâu (câu hỏi hẹp và đi sâu) nhằm khai thác sâu sắc một vài khía cạnh nào đó của đối tượng nghiên cứu.

- Điều tra bổ sung nhằm thu nhập tài liệu bổ sung cho các phương pháp khác.

Những yêu cầu của phương pháp điều tra bằng ankét:

- Xác định rõ mục đích và nội dung điều tra

- Xây dựng hệ thống câu hỏi rõ ràng, chính xác, đảm bảo cho mọi người hiểu dễ dàng và như nhau, có nhiều loại câu hỏi có thể bổ sung và kiểm tra lẫn nhau.

- Hướng dẫn trả lời rõ ràng

- Phải điều tra nhiều lần và đảm bảo số lượng người được hỏi đủ lớn.

- Sau khi thu thập thông tin phải xử lý thông tin chính xác, khách quan.

c. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm là phương pháp phân tích, đánh giá, khái quát hóa và hệ thống hóa những kinh nghiệm trong thực tiễn giáo dục nhằm rút ra những những bài học bổ ích, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

Tiêu chuẩn lựa chọn kinh nghiệm giáo dục:

- Kinh nghiệm phải mới
- Kinh nghiệm có chất lượng và hiệu quả giáo dục cao
- Phù hợp với những thành tựu khoa học giáo dục tiên tiến
- Có tính ổn định
- Có khả năng ứng dụng được

Các bước tổng kết kinh nghiệm:

- Chọn điển hình (phát hiện, xác định đúng đối tượng nghiên cứu)
- Mô tả lại sự kiện một cách khách quan dựa trên nhiều phương pháp khác nhau như: quan sát, trò chuyện, điều tra...
- Khôi phục lại sự kiện đã xảy ra bằng mô hình lý thuyết: phân tích sự kiện, hệ thống hoá các sự kiện, rút ra các khái quát lý luận.

- Những lý luận tổng kết từ kinh nghiệm cần được phổ biến rộng rãi và ứng dụng vào thực tế.

d. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Thực nghiệm sư phạm là phương pháp nghiên cứu một cách chủ động, có hệ thống một hiện tượng giáo dục nhằm xác định mối quan hệ giữa tác động giáo dục với hiện tượng giáo dục được nghiên cứu trong những điều kiện đã được khống chế.

Nét đặc trưng của phương pháp này là nhà nghiên cứu chủ động tạo ra điều kiện nghiên cứu và khi cần thiết có thể lặp lại nhiều lần điều kiện đó.

Có 2 loại thực nghiệm: thực nghiệm tự nhiên và thực nghiệm trong phòng thí nghiệm.

Các bước tiến hành thực nghiệm:

- Xác định vấn đề thực nghiệm với mục đích rõ ràng
- Nêu giả thuyết và xây dựng đề cương thực nghiệm
- Tổ chức thực nghiệm: chọn mẫu thực nghiệm; bồi dưỡng cộng tác viên; theo dõi thực nghiệm: quan sát, ghi chép, đo đạc...
- Xử lý kết quả thực nghiệm, rút ra kết luận khoa học.

Lưu ý: Khi tiến hành thực nghiệm sư phạm không được làm đảo lộn hoạt động bình thường của quá trình sư phạm và chỉ được tiến hành trong những điều kiện và tiêu chuẩn nghiêm ngặt với luận cứ khoa học; Tiến hành thực nghiệm ở nhiều địa bàn, trên các đối tượng khác nhau và thực nghiệm nhiều lần trên một đối tượng; Sử dụng các phương pháp hỗ trợ: quan sát, điều tra, thống kê toán học...

e. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Đây là phương pháp phân tích các sản phẩm hoạt động của đối tượng nghiên cứu (giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý...) nhằm thu thập những thông tin cần thiết về cá nhân hay tập thể.

Những yêu cầu:

- Thu thập nhiều tài liệu khác nhau, phân loại, hệ thống hóa tài liệu với những dấu hiệu cơ bản, đặc thù...
- Kết hợp với những tài liệu lưu trữ...
- Dựng lại quá trình hoạt động đưa đến sản phẩm.(làm như thế nào?)
- Tìm hiểu đầy đủ các mặt khác của người tạo ra sản phẩm.

g. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

Là phương pháp thu thập thông tin khoa học, nhận xét đánh giá một sản phẩm khoa học bằng cách sử dụng trí tuệ một đội ngũ chuyên gia có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu.

Tiến hành lấy ý kiến chuyên gia bằng cách: trực tiếp phỏng vấn xin ý kiến; Thông qua thư từ; Thông qua hội thảo, tranh luận, đánh giá, nghiệm thu công trình khoa học...

Yêu cầu:

- Chọn đúng chuyên gia có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực đang nghiên cứu, có phẩm chất trung thực trong khoa học.
- Xây dựng hệ thống các chuẩn đánh giá, các tiêu chí cụ thể, dễ hiểu, tường minh để nhận xét, đánh giá theo các chuẩn ấy.
- Hạn chế thấp nhất ảnh hưởng qua lại của các chuyên gia về ý kiến, quan điểm...

3.2.3. Nhóm phương pháp toán học

Sử dụng các lý thuyết Toán học, các phương pháp logic Toán học để xây dựng các lý thuyết giáo dục hoặc để xác định thông số liên quan tới đối tượng nghiên cứu của một đề tài nhằm tìm ra qui luật vận động của đối tượng.

Sử dụng Toán thống kê để xử lý các tài liệu thu thập từ các phương pháp khác nhau.

III. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC HỌC

1. Giáo dục

1.1. Giáo dục (theo nghĩa rộng)

Giáo dục (theo nghĩa rộng) là hoạt động giáo dục tổng thể hình thành và phát triển nhân cách được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch nhằm phát triển tối đa những tiềm năng (sức mạnh thể chất và tinh thần) của con người. Như vậy, giáo dục là một bộ phận của quá trình xã hội hình thành cá nhân con người, bao gồm những nhân tố tác động có mục đích, có tổ chức của xã hội, do những người có kinh nghiệm, có chuyên môn gọi là nhà giáo dục, nhà sư phạm đảm nhận. Nơi tổ chức hoạt động giáo dục một cách có hệ thống có kế hoạch chặt chẽ nhất là nhà trường. Với nghĩa rộng như trên, giáo dục là một hoạt động tổng thể bao gồm giáo dục trí tuệ, giáo dục đạo đức, giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục lao động do nhà trường phụ trách trước xã hội.

1.2. Giáo dục (nghĩa hẹp)

Giáo dục (nghĩa hẹp) là một bộ phận của hoạt động giáo dục (nghĩa rộng), là hoạt động giáo dục nhằm hình thành thế giới quan khoa học, tư tưởng chính trị, đạo đức, thẩm mỹ, lao động, phát triển thể lực, những hành vi và thói quen ứng xử đúng đắn của cá nhân trong các mối quan hệ xã hội. Theo nghĩa này giáo dục (nghĩa hẹp) bao gồm các bộ phận: đức dục, mỹ dục, thể dục, giáo dục lao động.

2. Dạy học

Dạy học là một bộ phận của giáo dục (nghĩa rộng), là hoạt động tương tác, phối hợp thống nhất giữa hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của người học nhằm truyền thụ và lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển năng lực nhận thức và hành động, trên cơ sở đó hình thành thế giới quan khoa học, phẩm chất đạo đức nói riêng và nhân cách nói chung cho người học...

3. Giáo dưỡng

Giáo dưỡng được hiểu là quá trình người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng, hình thành phương pháp nhận thức và thực hành sáng tạo. Nói cách khác, giáo dưỡng chính là quá trình bồi dưỡng học vấn cho người học (học vấn là kết quả của việc nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng...).

- Giáo dưỡng có thể được thực hiện thông qua con đường *dạy học* trong nhà trường hoặc có thể thông qua con đường *tự học, tự bồi dưỡng* của cá nhân hoặc kết hợp cả hai con đường.

4. Tự học

Tự học là hoạt động tự giác, có mục đích của cá nhân, là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ và có khi cả cơ bắp cùng các phẩm chất, động cơ, tình cảm... để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình. Cốt lõi của học là tự học. *Tự học là nói đến nội lực* của người học, chất lượng của học tùy thuộc chủ yếu vào nội lực. Dù điều kiện tác động từ bên ngoài đối với hoạt động học tốt đến mấy, nhưng nếu con người không có đủ nỗ lực bản thân để tự học, tự biến đổi mình đến mức cần thiết thì không thể nào đạt được mục tiêu mong muốn.

5. Tự giáo dục

Tự giáo dục là một bộ phận của giáo dục, là hoạt động tự giác có ý thức, có mục đích của cá nhân nhằm tự hoàn thiện những phẩm chất nhân cách của bản thân cho phù hợp với yêu cầu chuẩn mực của xã hội. Bản chất của tự giáo dục là quá trình ý chí. Trong tự giáo dục có sự nỗ lực tích cực hóa một hoạt động nào đó và song song với quá trình đó là việc kìm hãm những ước muốn không hợp lý. Tự giáo dục là những biểu hiện có ý thức của sự tự phát triển, của sự tự vận động cá nhân, là gia tốc của sự phát triển cá nhân, nó thúc đẩy sự hình thành những phẩm chất quan trọng và cần thiết nhất đối với cá nhân.

6. Giáo dục hướng nghiệp

Giáo dục hướng nghiệp là một hệ thống biện pháp tác động của gia đình, nhà trường, xã hội, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm giáo dục học sinh trong việc chọn nghề, giúp học sinh tự quyết định nghề nghiệp tương lai trên cơ sở phân tích khoa học về năng lực, hứng thú của bản thân và nhu cầu nhân lực của các ngành sản xuất trong xã hội. Mục tiêu chung của giáo dục hướng nghiệp nhằm phát triển và bồi dưỡng phẩm chất nhân cách nghề nghiệp; giúp học sinh hiểu mình, hiểu yêu cầu của nghề; định hướng cho học sinh đi vào những lĩnh vực mà xã hội có yêu cầu. Nhiệm vụ của giáo dục hướng nghiệp bao gồm định hướng nghề, tư vấn nghề và tuyển chọn nghề.

7. Giáo dục cộng đồng

Theo UNESCO thì giáo dục cộng đồng được xem như là một tư tưởng, một cách làm mới mẻ nhằm xây dựng mối quan hệ bền vững, gắn bó giữa giáo dục với các quá trình xã hội, với đời sống và lợi ích của cộng đồng. Đó là cách thức tốt và có hiệu quả nhằm tạo ra những điều kiện, cơ hội để thực hiện sự công bằng xã hội, tạo lập nền tảng cho sự phát triển và sự ổn định của xã hội. Giáo dục cộng đồng được hiểu là giáo dục cho tất cả mọi người, là áp dụng cho mọi người trong xã hội. Nói một cách cụ thể hơn giáo dục cộng đồng là quá trình biến đổi các loại trường học thành các trung tâm giáo dục và câu lạc bộ văn hóa cho mọi lứa tuổi. Nếu thực hiện thành công đường lối giáo dục cộng đồng, xã hội sẽ là một trường học khổng lồ, trong đó giáo dục trở thành một động lực phát triển trực tiếp và quan trọng nhất của toàn xã hội.

8. Giáo dục thường xuyên

Giáo dục thường xuyên được hiểu là một hệ thống giáo dục nhằm mục đích tạo cơ hội giáo dục liên tục, thường xuyên, thỏa mãn nhu cầu học tập suốt đời của mọi thành viên trong xã hội, giúp họ thích ứng với sự tiến bộ nhanh chóng về khoa học - kỹ thuật, tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

9. Công nghệ giáo dục

Sự tác động mạnh mẽ, sâu sắc và thường xuyên của khoa học kỹ thuật vào nền sản xuất đại công nghiệp làm nảy sinh một khái niệm khoa học chuyên biệt: *công nghệ*. Đối với nền sản xuất ra của cải vật chất *công nghệ* là một khoa học chuyên nghiên cứu cách thức xử lý, chế tác, biến đổi trạng thái, tính chất, hình dáng của nguyên vật liệu (hay bán thành phẩm) thành sản phẩm. Nó phát hiện ra các qui luật cơ, lý, hóa có thể vận dụng vào các quá trình sản xuất ra của cải vật chất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất

Một trong những xu thế của thời đại mới là đầu tư công nghệ phát triển. Khi đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nói chung và dạy học nói riêng, xu thế chung là đầu tư theo chiều sâu. Việc đầu tư dạy học theo chiều sâu thực chất là đầu tư công nghệ dạy học. Theo nghĩa hẹp, công nghệ dạy học là việc sử dụng những phát minh, những sản phẩm công nghiệp hiện đại về thông tin và các phương tiện kỹ thuật vào dạy học. Theo nghĩa rộng, công nghệ giáo dục là khoa học về giáo dục, nó xác lập các nguyên tắc hợp lý của công tác dạy học và những điều kiện thuận lợi nhất để tiến hành quá trình đào tạo cũng như xác lập các phương pháp và phương tiện có kết quả nhất để đạt mục đích đào tạo để ra đồng thời tiết kiệm được sức lực của thầy và trò (*UNESCO*).

IV. CẤU TRÚC CỦA GIÁO DỤC HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO DỤC HỌC VỚI CÁC KHOA HỌC KHÁC

1. Hệ thống các khoa học về giáo dục

Giáo dục học bao gồm nhiều ngành khoa học cụ thể tạo thành một hệ thống các khoa học giáo dục:

1.1. Giáo dục học đại cương

- Những vấn đề chung của giáo dục học
- Tổ chức hoạt động dạy học
- Tổ chức hoạt động giáo dục
- Tổ chức quản lý nhà trường
- Lịch sử giáo dục ...

1.2. Giáo dục học chuyên ngành

- Lý luận và phương pháp dạy học các môn học

- Giáo dục học đặt biệt
- Giáo dục học mầm non
- Giáo dục học phổ thông
- Giáo dục học nghề nghiệp
- Giáo dục học đại học
- Giáo dục học quân sự
- Xã hội học giáo dục
- Kinh tế học giáo dục...

2. Mối quan hệ của Giáo dục học với các khoa học khác

2.1. Triết học: Là khoa học về các qui luật chung nhất của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy con người, là nền tảng cho sự phát triển Giáo dục học. Triết học cung cấp các quan điểm phương pháp luận và các qui luật cho việc nghiên cứu sự vận động và phát triển của giáo dục.

2.2. Xã hội học: Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với con người và quan hệ con người, vạch ra những đặc điểm phát triển kinh tế- văn hóa, xã hội và ảnh hưởng của chúng đến sự hình thành nhân cách con người. Từ đó giúp Giáo dục học giải quyết những vấn đề về mục đích, nội dung giáo dục.

2.3. Sinh lý học thần kinh: Muốn nghiên cứu về sự phát triển của con người, Giáo dục học phải dựa vào các phát hiện, các kiến thức của sinh lý học thần kinh như: sự phát triển của hệ thống thần kinh, các đặc điểm của hệ thần kinh...

2.4. Tâm lý học lứa tuổi, Tâm lý học sư phạm, Tâm lý học xã hội có vai trò rất quan trọng đối với việc nghiên cứu và phát triển của Giáo dục học.

2.5. Lý thuyết thông tin, điều khiển học, tin học ngày càng được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi trong Giáo dục học.

V. ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HỌC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, sự hình thành nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin và xu thế toàn cầu hóa... đã tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Xu thế phát triển giáo dục thế giới đã được UNESCO khái quát thành 21 điểm với các tư tưởng chủ yếu:

- Giáo dục thường xuyên phải là điểm chủ đạo của mọi chính sách giáo dục; giáo dục suốt đời, giáo dục bằng mọi cách, giáo dục cho mọi người, xây dựng một xã hội học tập. Giáo dục phải làm cho mỗi người trở thành người dạy và người kiến tạo nên sự tiến bộ văn hóa của bản thân

- Giáo dục không chỉ dạy cho con người có học vấn mà phải thực hành, thực nghiệm để có tay nghề, vào đời không bỡ ngỡ. Phát triển giáo dục gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, chú ý giáo dục hướng nghiệp để có thể lập thân, lập nghiệp

- Giáo dục trẻ em trước tuổi đến trường phải là một mục tiêu lớn trong chiến lược giáo dục. Giáo dục phổ thông cơ sở phải là mục tiêu hàng đầu của chính sách giáo dục.

- Giáo viên phải được đào tạo để trở thành những nhà giáo dục hơn là những chuyên gia truyền đạt kiến thức. Việc giảng dạy phải thích nghi với người học chứ không phải áp đặt máy móc buộc người học tuân theo.

Các nước trên thế giới đang tiến hành cải cách giáo dục theo các hướng lớn sau:

- Tăng cường giáo dục nhân văn
- Công nghệ - thông tin
- Đào tạo những con người vừa có tri thức, vừa có kỹ năng, năng lực thực sự đóng góp vào sự phát triển xã hội.

- Hiện đại hóa các phương pháp dạy học – giáo dục

Nền giáo dục Việt Nam cũng đang trên con đường đổi mới nhằm đáp ứng với những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Các giải pháp chiến lược phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay là:

- Tăng cường các nguồn lực cho giáo dục – đào tạo.
- Xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy - người học

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục – đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học

- Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục

2. Các định hướng phát triển giáo dục trên thế giới và trong nước ở trên đã vạch ra cho Giáo dục học những nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu:

- Nghiên cứu và hoàn thiện các vấn đề về phương pháp luận khoa học giáo dục

- Nghiên cứu hoàn thiện các cơ sở lý luận và thực tiễn của giáo dục trong giai đoạn mới, xác định mối quan hệ biện chứng giữa giáo dục và sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu các vấn đề về đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học – giáo dục đáp ứng với sự phát triển thực tiễn

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của khoa học – công nghệ vào quá trình dạy học – giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục...

Tóm lại, tất cả các vấn đề trong Giáo dục học đều cần phải được nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện theo hướng nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn, làm cho Giáo dục học góp phần thúc đẩy mạnh mẽ nền giáo dục quốc dân đáp ứng với đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP CHƯƠNG 1

1. Giải thích giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt
2. Phân tích các tính chất và chức năng xã hội cơ bản của giáo dục. Từ đó nêu lên vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội hiện đại.
3. Giải thích đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học
4. Phân biệt các khái niệm cơ bản của Giáo dục học: Giáo dục (nghĩa rộng) - Dạy học – Giáo dục (nghĩa hẹp) và mối quan hệ của chúng.
5. Phác thảo các phương pháp nghiên cứu Giáo dục học để tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục cụ thể.
6. Trình bày các định hướng nghiên cứu và phát triển Giáo dục học trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

I. KHÁI NIỆM VỀ NHÂN CÁCH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

1. Khái niệm về nhân cách

Theo Tâm lý học, nhân cách là tổ hợp các thái độ, thuộc tính riêng trong quan hệ hành động của từng người với thế giới tự nhiên, thế giới đồ vật do con người sáng tạo ra, với xã hội và với bản thân. (Phạm Minh Hạc – Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục - 1986). Nhân cách là bộ mặt tâm lý - đạo đức của mỗi người, đó là toàn bộ những đặc điểm, phẩm chất tâm lý qui định giá trị xã hội và hành vi xã hội của người đó.

Nhân cách của con người được phân tích trên ba bình diện khác nhau và được đánh giá ở ba mức độ khác nhau :

- Mức độ bên trong cá nhân, nhân cách con người được thể hiện ở dạng cá tính, ở sự khác biệt của người này với những người khác. Ở bình diện này, nhân cách bộc lộ trong tính không đồng nhất với mọi người, với cái chung, giá trị của nhân cách là ở tính tính cực của nó trong việc khắc phục những sự hạn chế của hoàn cảnh và sự hạn chế tự nhiên của mình.

- Mức độ giữa các cá nhân, nhân cách được thể hiện trong mối quan hệ mà nó tham gia trong quá trình hoạt động cộng đồng. Giá trị của nhân cách được thể hiện trong các hành vi, cử chỉ xã hội của nó.

- Mức độ cao nhất, nhân cách dường như vượt ra ngoài khuôn khổ của cá tính và ra ngoài khuôn khổ của những mối quan hệ thực sự với các cá nhân khác. Ở đây nhân cách được xem xét như là một chủ thể hoạt động đang thực hiện một cách tích cực, có chủ định hay không chủ định, những biến đổi trong những người khác (có liên quan, quen biết hoặc không liên quan, không quen biết). Giá trị của nhân cách thể hiện ở những tác động mà nhân cách này gây ra đối với những biến đổi của các nhân cách khác. Tất cả những biến đổi cơ bản mà cá nhân tạo ra được ở những cá nhân khác, đặc biệt là ở bản thân mình như là “ một người khác” đã tạo thành nét đặc trưng đầy đủ và có giá trị nhất của cá nhân ấy như là một nhân cách.

Như vậy nhân cách con người là mức độ phù hợp giữa thang giá trị và thước đo giá trị của người ấy với thang giá trị và thước đo giá trị của xã hội, độ phù hợp càng cao thì nhân cách càng lớn.

Theo Giáo dục học, nhân cách bao gồm tất cả các nét, các mặt, các phẩm chất có ý nghĩa xã hội trong một con người. Nhân cách là toàn bộ các đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân được xã hội đánh giá tạo nên giá trị của cá nhân đó. Tùy theo trình độ phát triển của xã hội mà các đặc điểm của cá nhân được nhìn nhận và đánh giá khác nhau. Những đặc điểm của cá nhân cũng được đánh giá khác nhau tương ứng với những vai trò khác nhau của họ.

- Theo quan niệm truyền thống nhân cách là sự thống nhất giữa phẩm chất và năng lực của cá nhân bao gồm các phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong và các năng lực, sở trường, năng khiếu. Người có nhân cách phải là người thống nhất được hai mặt phẩm chất và năng lực, tức là thống nhất giữa mặt đức và tài.

- Theo cách tiếp cận giá trị thì cốt lõi của nhân cách là hệ thống định hướng giá trị mà mỗi cá nhân lựa chọn cho mình, bao gồm :

+ Các giá trị tư tưởng: lý tưởng, niềm tin...

+ Các giá trị đạo đức: lương tâm, trách nhiệm, lòng nhân ái, lòng trung thực ...

+ Các giá trị nhân văn: học vấn, nghề nghiệp, tình yêu, thời trang, tài năng...

Như chúng ta biết, giá trị là tất cả những gì có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh những mối quan hệ chủ thể – khách thể, được đánh giá xuất phát từ những điều kiện xã hội – lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển của nhân cách. Khi đã được nhận thức, đánh giá và chọn lựa, giá trị trở thành một trong những động lực thúc đẩy con người đi theo một xu hướng nhất định. Trong thực tế, định hướng giá trị phản ánh nhu cầu, nguyện vọng của con người, phản ánh cái mà họ yêu thích và cho là quý giá. Định hướng giá trị chỉ đạo hoạt động của

con người, nó có ý nghĩa rất quan trọng, biết được định hướng giá trị của con người thì biết được thái độ, hành vi của họ. Nằm được định hướng giá trị, con người sẽ dễ dàng hơn trong việc đối nhân xử thế và tổ chức, điều khiển hoạt động cộng đồng. Định hướng giá trị được hình thành và củng cố bởi năng lực, nhận thức, kinh nghiệm sống của từng cá nhân. Quá trình hình thành định hướng giá trị rất phức tạp, gắn liền với việc giải quyết các mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa các động cơ khác nhau, mâu thuẫn giữa ý thức nghĩa vụ và lòng ham muốn, mâu thuẫn giữa kích thích thực dụng với hành vi đạo đức

2. Khái niệm về sự phát triển nhân cách

Con người khi mới sinh ra chưa có nhân cách. Nhân cách chỉ hình thành và phát triển trong quá trình con người sống, hoạt động và giao lưu trong đời sống xã hội. Sự phát triển nhân cách là quá trình tăng trưởng, tích lũy, hoàn thiện về thể chất, tâm lý và xã hội của cá nhân.

- Sự phát triển về mặt thể chất: biểu hiện ở những biến đổi về chiều cao, trọng lượng, cơ bắp, sự hoàn thiện các giác quan và sự phối hợp vận động cơ thể.

- Sự phát triển về mặt tâm lý: thể hiện ở những biến đổi của các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí... và ở sự hình thành những thuộc tính tâm lý mới của cá nhân.

- Sự phát triển về mặt xã hội: thể hiện ở những biến đổi trong thái độ cư xử với người xung quanh, ở sự tham gia tích cực vào các quan hệ và hoạt động xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách chịu tác động của nhiều yếu tố như bẩm sinh - di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân.

II. VAI TRÒ CỦA DI TRUYỀN, MÔI TRƯỜNG VÀ HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

1. Vai trò của di truyền đối với sự phát triển nhân cách

Di truyền là sự tái tạo lại ở thế hệ sau những thuộc tính sinh học giống với thế hệ trước. Các thuộc tính sinh học được di truyền bao gồm cấu tạo giải phẫu, sinh lý cơ thể, những đặc điểm như màu mắt, màu tóc, vóc dáng, thể tạng, các giác quan, tư chất, một số đặc điểm của hệ thần kinh...

Di truyền tạo tiền đề vật chất cho sự phát triển nhân cách. Điều đó có nghĩa là nếu cá thể không tiếp nhận được vật chất di truyền của người thì sẽ không có được tiền đề vật chất cho sự phát triển nhân cách. Một cơ thể lành mạnh, các giác quan đầy đủ, hệ thần kinh bình thường sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển nhân cách.

Các đặc tính cơ thể có ảnh hưởng đến tốc độ, mức độ và tính chất của việc hình thành các kỹ năng, kỹ xảo, năng lực của cá nhân chứ không quyết định sẵn cho sự phát triển nhân cách con người. Những tư chất di truyền định hướng cho con người vào các lĩnh vực hoạt động rộng rãi chứ không vào một lĩnh vực hoạt động cụ thể và cũng không qui định trước năng lực cụ thể của cá nhân. Nhưng để tư chất biến thành khả năng hiện thực còn tùy thuộc vào hoàn cảnh sống, vào sự giáo dục và nhất là tùy thuộc vào ý chí rèn luyện của cá nhân.

Hoàn cảnh, giáo dục, hoạt động cá nhân...

Tư chất -----> Năng lực

Trong công tác giáo dục chúng ta cần chú ý đúng mức vai trò của di truyền trong sự phát triển nhân cách để tránh những thái độ sau đây :

- Không quan tâm đến những đặc điểm tư chất của học sinh và đòi hỏi mọi học sinh phải có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ học tập như nhau hoặc không chú ý phát huy những tư chất thuận lợi ở một số học sinh cũng như không tìm cách hỗ trợ cho những học sinh không có tư chất thuận lợi.

- Đê cao ảnh hưởng của yếu tố di truyền đến mức cho nhân cách là bẩm sinh và phủ nhận khả năng biến đổi bản chất con người

- Hạ thấp vai trò của giáo dục qua việc tổ chức giáo dục theo mức độ phát triển đã bị qui định bởi yếu tố di truyền.

2. Vai trò của môi trường đối với sự phát triển nhân cách

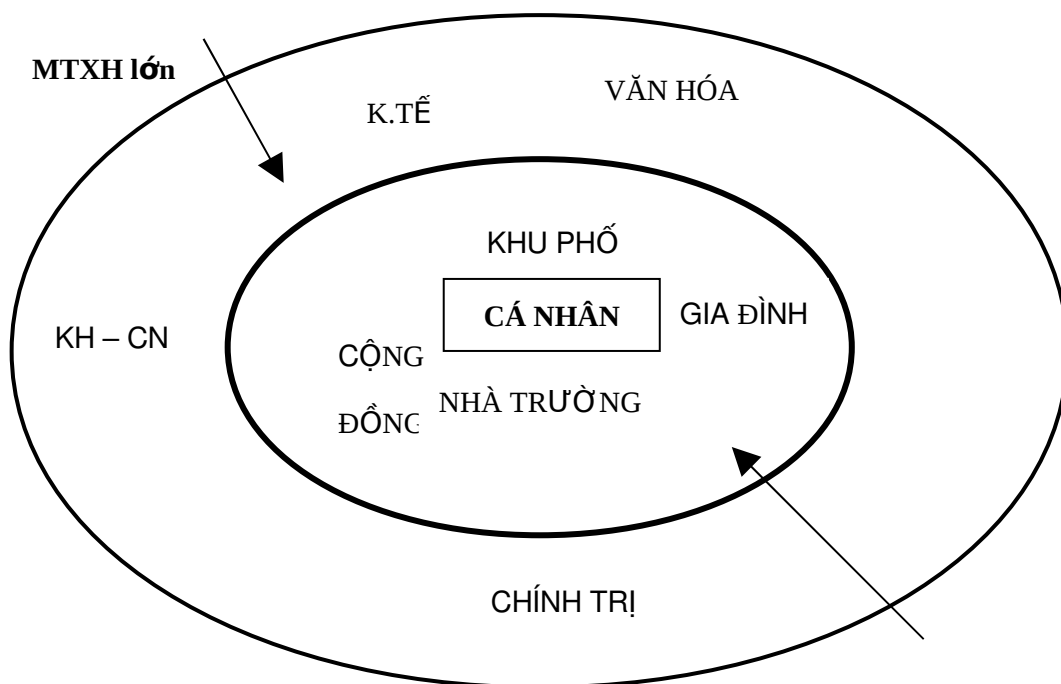
Môi trường là hệ thống các hoàn cảnh bên ngoài, các điều kiện tự nhiên và xã hội cần thiết cho hoạt động sống và phát triển của cá nhân. Môi trường gồm hai loại: môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

- Vai trò của môi trường tự nhiên

Những đặc điểm về địa hình, thời tiết, khí hậu tạo điều kiện rèn luyện hình thành những phẩm chất nhân cách của cá nhân. Thông thường tính cách của con người liên quan đến đặc điểm địa lý của khu vực sinh sống. Tuy nhiên môi trường tự nhiên không ảnh hưởng trực tiếp hay có ý nghĩa quyết định mà chỉ có ảnh hưởng gián tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách nhưng không mạnh mẽ và quan trọng bằng ảnh hưởng của môi trường xã hội.

- Vai trò của môi trường xã hội

Môi trường xã hội gồm có: môi trường xã hội lớn và môi trường xã hội nhỏ.



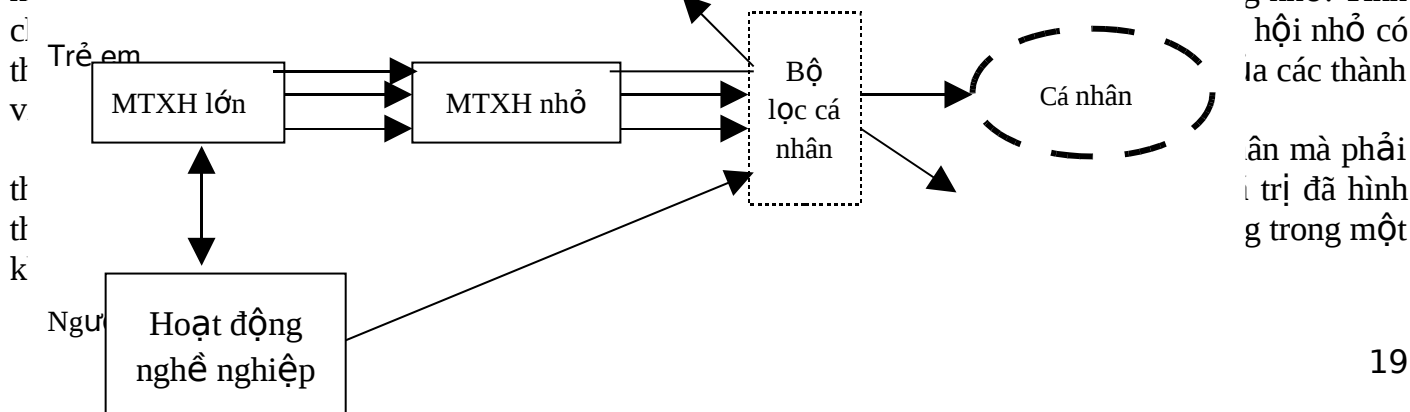
Tru

cá nhân không sống trong môi trường xã hội sẽ không hình thành phát triển nhân cách người. Điều đó được chứng minh qua những trường hợp trẻ em bị lưu lạc trong rừng tuy được thú vật nuôi dưỡng nhưng chỉ có thể sống theo kiểu động vật chứ không thể phát triển nhân cách cho dù sau đó đã được con người đưa về nuôi dạy trong môi trường xã hội. Mặt khác, môi trường xã hội qui định mục đích, nội dung và chiều hướng của sự phát triển nhân cách, nó giúp con người hình thành nhân cách nhờ giao tiếp và hoạt động xã hội.

*** Cơ chế tác động của môi trường xã hội đến cá nhân:**

- Môi trường xã hội lớn không tác động trực tiếp đến cá nhân mà tác động gián tiếp thông qua môi trường xã hội nhỏ. Môi trường xã hội lớn thường khó thay đổi nhưng nếu nó thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi tính chất và các mối quan hệ của môi trường xã hội nhỏ.

- Môi trường xã hội nhỏ ảnh hưởng trực tiếp và tác động thường xuyên, mạnh mẽ đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Mỗi cá nhân tham gia cùng lúc vào nhiều môi trường nhỏ. Tính



Đối với trẻ em, vì chưa tham gia các hoạt động xã hội, nghề nghiệp nên môi trường xã hội nhỏ (gia đình, nhà trường, nhóm bạn) có ảnh hưởng quan trọng; còn đối với người trưởng thành, hoạt động nghề nghiệp tác động đến cá nhân thông qua bộ lọc cá nhân mạnh hơn tác động của môi trường nhỏ. Ngoài ra cá nhân không chỉ là đối tượng nhận sự tác động của môi trường mà còn là chủ thể tham gia biến cải môi trường như câu nói của Marx: “*Hoàn cảnh sáng tạo ra con người trong chừng mực con người sáng tạo ra hoàn cảnh*”

Như vậy, môi trường không đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển nhân cách, mức độ ảnh hưởng của môi trường tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, thái độ, xu hướng, năng lực của cá nhân. Trong công tác giáo dục, điều quan trọng là giúp cá nhân hình thành khả năng tự giáo dục theo hệ thống định hướng giá trị phù hợp với các chuẩn mực xã hội, để họ biết chọn lựa học hỏi những điều tích cực lành mạnh và biết loại bỏ tránh xa những điều xấu xa tiêu cực trong môi trường sống.

3. Vai trò của hoạt động cá nhân đối với sự phát triển nhân cách

*** Hoạt động cá nhân**

Hoạt động là mối quan hệ tác động qua lại giữa con người (chủ thể) và thế giới (khách thể) để tạo ra sản phẩm cả về phía thế giới, cả về phía con người. Cuộc sống của con người là một chuỗi hoạt động, bởi lẽ hoạt động là phương thức tồn tại của con người, là nhân tố quyết định trực tiếp sự hình thành và phát triển nhân cách. Hoạt động giúp cá nhân trải nghiệm và thu thập vốn sống để trưởng thành, phát triển; hoạt động giúp con người thích nghi được với hoàn cảnh và tự khẳng định nhân cách của mình. Thông qua hai quá trình chủ thể hóa và khách thể hóa, nhân cách con người bộc lộ và hình thành. Thông qua hoạt động, con người dần dần hoàn chỉnh bản thân, hình thành những nét nhân cách thích hợp với yêu cầu của hoạt động và của xã hội. Quá trình phát triển nhân cách của trẻ em thường diễn ra trong các hoạt động cơ bản như sau: hoạt động giao tiếp, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động và hoạt động xã hội. Những hoạt động cơ bản này cũng là những dạng hoạt động chủ đạo của từng thời kỳ lứa tuổi, chi phối mạnh mẽ đến sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi đó.

*** Giao tiếp là một dạng hoạt động**

Giao tiếp là sự tác động qua lại giữa người với người trong xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu về người khác. Giao tiếp là nhu cầu không thể thiếu của sự phát triển nhân cách. Quá trình giao tiếp giúp cá nhân gia nhập vào các quan hệ xã hội, lĩnh hội nền văn hóa xã hội, chuẩn mực xã hội, từ đó tạo nên bản chất con người, làm cho nhân cách phát triển. Trẻ em khi mới sinh ra đã có nhu cầu giao tiếp với người lớn (người mẹ), càng lớn lên nhu cầu giao tiếp càng phát triển và mở rộng dần. Nhờ sự giao tiếp này trẻ mới có thể tồn tại và phát triển tâm lý ổn định. Những trẻ mồ côi được các tổ chức xã hội nuôi dưỡng thường phát triển tâm lý chậm chạp do mức độ giao tiếp của trẻ với người lớn ít hơn so với những trẻ em được nuôi dưỡng trong gia đình bình thường. Đối với trẻ em các quan hệ giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi có uy tín như cha mẹ, thầy cô ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhân cách.

Như vậy, hoạt động và giao tiếp cá nhân là yếu tố *trực tiếp quyết định* đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Con người luôn sống trong một môi trường, nhưng môi trường không quyết định nhân cách của họ mà chính những hoạt động và các mối quan hệ giao tiếp của cá nhân trong môi trường đó mới chi phối đến đời sống tâm lý và hình thành những tính cách của cá nhân. Điều này được minh họa trong câu ngạn ngữ Pháp: “Anh hãy cho tôi biết, bạn của anh là

ai, tôi sẽ cho anh biết, anh là người như thế nào” hoặc tục ngữ Việt Nam “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”... Sự phát triển nhân cách của trẻ được thúc đẩy mạnh mẽ bởi tính chất và mức độ giao tiếp của trẻ với người lớn và bởi các hoạt động chủ đạo tương ứng với mỗi giai đoạn lứa tuổi.

III. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

Giáo dục là hoạt động hình thành toàn vẹn nhân cách được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch và hệ thống thông qua hai hoạt động dạy học và giáo dục để làm phát triển các sức mạnh thể chất và tinh thần của con người, giúp họ tham gia có hiệu quả vào đời sống xã hội.

1. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách

Theo thuyết sinh học hay thuyết tiền định: Sự phát triển nhân cách do yếu tố di truyền quyết định, môi trường và giáo dục không có vai trò gì trong sự phát triển nhân cách. Sai lầm cơ bản của thuyết này là tuyệt đối hóa ảnh hưởng của yếu tố di truyền.

Theo thuyết duy cảm: Môi trường là yếu tố quyết định sự phát triển nhân cách, giáo dục là “vạn năng”. Thuyết này cho rằng trẻ em như “tờ giấy trắng”, môi trường và giáo dục tác động như thế nào thì trẻ sẽ phát triển như thế ấy. Sai lầm cơ bản của thuyết này là tuyệt đối hóa ảnh hưởng của yếu tố môi trường và giáo dục.

Theo quan điểm Mác-xít: Giáo dục chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách, giáo dục không có tính “vạn năng”, không có tính quyết định mà chỉ đóng vai trò *chủ đạo* đối với sự phát triển nhân cách. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách thể hiện:

1.1. Giáo dục định hướng và tổ chức dẫn dắt quá trình hình thành, phát triển nhân cách của cá nhân

- Xác định mục đích giáo dục cho cả hệ thống, cho từng bậc học, cấp học, trường học và từng hoạt động giáo dục cụ thể

- Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục, lựa chọn phương pháp, phương tiện và hình thức giáo dục đáp ứng mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung và đối tượng, điều kiện giáo dục cụ thể.

- Tổ chức các hoạt động, giao lưu

- Đánh giá, điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục...

Sự định hướng của giáo dục không chỉ thích ứng với những yêu cầu của xã hội hiện tại mà còn phải thích hợp với yêu cầu phát triển của tương lai để thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Vì vậy, giáo dục phải đi trước, đón đầu sự phát triển. Muốn đi trước, đón đầu sự phát triển, giáo dục căn cứ trên những dự báo về gia tốc phát triển của xã hội, thiết kế nên mô hình nhân cách của con người thời đại với hệ thống định hướng giá trị tương ứng.

1.2. Giáo dục can thiệp, điều chỉnh các yếu tố khác nhằm tạo sự thuận lợi cho quá trình phát triển nhân cách

Các yếu tố bẩm sinh - di truyền, môi trường và hoạt động các nhân đều có ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách ở các mức độ khác nhau, tuy nhiên yếu tố giáo dục lại có thể tác động đến các yếu tố này để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển nhân cách.

* *Đối với di truyền*

- Giáo dục tạo điều kiện thuận lợi để những mầm mống của con người có trong chương trình gene được phát triển. Chẳng hạn, trẻ được di truyền cấu tạo cột sống, bàn tay và thanh quản ... nhưng nếu không được giáo dục thì trẻ khó có thể đi thẳng đứng bằng hai chân, biết sử dụng công cụ hay phát triển ngôn ngữ...

- Giáo dục rèn luyện, thúc đẩy sự hoàn thiện của các giác quan và vận động cơ thể.

- Giáo dục phát hiện những tư chất của cá nhân và tạo điều kiện để phát huy năng khiếu thành năng lực cụ thể.

- Giáo dục tìm cách khắc phục những khiếm khuyết cơ thể để hạn chế những khó khăn của người khuyết tật trong sự phát triển nhân cách (phục hồi chức năng hoặc hướng dẫn sử dụng công cụ hỗ trợ). Ngoài ra giáo dục còn góp phần tăng cường nhận thức trong xã hội về trách

nhiệm của cộng đồng đối với người khuyết tật và tổ chức cho toàn xã hội chia sẻ, hỗ trợ người khuyết tật vượt qua khó khăn và sự bất hạnh của mình.

** Đối với môi trường*

- Giáo dục tác động đến môi trường tự nhiên qua việc trang bị kiến thức và ý thức bảo vệ môi trường của con người, khắc phục được sự mất cân bằng sinh thái, làm cho môi trường tự nhiên trở nên trong lành, đẹp đẽ hơn.

- Giáo dục tác động đến môi trường xã hội lớn thông qua các chức năng kinh tế - xã hội, chức năng chính trị - xã hội, chức năng tư tưởng - văn hóa của giáo dục.

- Giáo dục còn làm thay đổi tính chất của môi trường xã hội nhỏ như gia đình, nhà trường và các nhóm bạn bè, khu phố..., để các môi trường nhỏ tạo nên những tác động lành mạnh, tích cực đến sự phát triển nhân cách con người. Hiện nay công tác giáo dục xã hội đang chú tâm xây dựng gia đình là một mái ấm dân chủ, bình đẳng, ấm no, hạnh phúc; nhà trường là một môi trường thân thiện đối với học sinh, cộng đồng dân cư là khu vực văn hóa của một xã hội văn minh tiến bộ.

** Đối với hoạt động cá nhân*

- Giáo dục tổ chức nhiều loại hình hoạt động giao tiếp bổ ích, lành mạnh nhằm phát huy những phẩm chất và năng lực cá nhân (sân chơi ở các nhà văn hóa cho mọi lứa tuổi, các câu lạc bộ xây dựng gia đình hạnh phúc tại địa phương, ...); xây dựng những động cơ đúng đắn của cá nhân khi tham gia hoạt động, giao tiếp đồng thời hướng dẫn cá nhân lựa chọn các hoạt động và giao tiếp phù hợp với khả năng của bản thân. Đặc biệt công tác giáo dục luôn xây dựng các mối quan hệ giao tiếp tích cực giữa thầy trò, giữa bạn bè với nhau đồng thời tổ chức và định hướng cho trẻ tham gia vào các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn lứa tuổi để thúc đẩy sự phát triển nhân cách.

- Giáo dục tạo tiền đề cho tự giáo dục của cá nhân. Tự giáo dục thể hiện tính chủ thể của cá nhân khi con người đáp ứng hoặc tự vận động nhằm chuyển hóa các yêu cầu của giáo dục thành phẩm chất và năng lực của bản thân. Nếu cá nhân thiếu khả năng tự giáo dục thì các phẩm chất và năng lực của họ sẽ hình thành ở mức độ thấp hoặc thậm chí không thể hình thành. Trình độ, khả năng tự giáo dục của cá nhân phần lớn bắt nguồn từ sự định hướng của giáo dục. Giáo dục đúng đắn và đầy đủ sẽ giúp con người hình thành khả năng tự giáo dục, để kháng trước những tác động tiêu cực của xã hội để phát triển nhân cách mạnh mẽ. *“Chỉ có những người biết tự giáo dục mới là những người thực sự có giáo dục.” (Bennet – Anh)*

2. Điều kiện để giáo dục giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển nhân cách

Như vậy thông qua các tác động đón đầu sự phát triển, giáo dục không chỉ thúc đẩy sự phát triển nhân cách cá nhân mà còn thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên giáo dục không phải là vạn năng, không thể một mình quyết định toàn bộ tiến trình phát triển nhân cách. Giáo dục chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển nhân cách thông qua những tác động có tính chủ đạo. Vì vậy, để giáo dục thực sự đóng vai trò chủ đạo đối với sự hình thành và phát triển nhân cách cần có các điều kiện sau:

- Công tác dự báo về xu hướng phát triển của xã hội phải đưa ra những định hướng đúng đắn để giáo dục thực hiện tốt chức năng đón đầu sự phát triển.

- Các yếu tố trong quá trình giáo dục phải thống nhất với nhau, nhà giáo dục phải giữ vai trò chủ đạo, người được giáo dục phải thể hiện vai trò chủ động.

- Phải có sự kết hợp chặt chẽ ba lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường và xã hội, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo. Những yếu kém của giáo dục thường có nguyên nhân từ sự thiếu phối hợp đồng bộ giữa ba lực lượng giáo dục này.

- Nhà giáo dục phải nắm vững đặc điểm tâm sinh lý của người được giáo dục.

- Nhà giáo dục phải có phẩm chất và năng lực để làm tốt công tác giáo dục

IV. GIÁO DỤC VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH THEO LỨA TUỔI

Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự hình thành và phát triển nhân cách của con người diễn ra có tính quy luật theo từng lứa tuổi. Mỗi giai đoạn phát triển đều có những đặc điểm riêng, đặc biệt là đều có những bước nhảy vọt về chất và tạo tiền đề cho sự phát triển ở các giai đoạn tiếp theo. Giáo dục bao giờ cũng hướng vào con người cụ thể với những đặc điểm tâm lý riêng về lứa

tuổi, giới tính... và những đặc trưng độc đáo trong nhân cách. Do đó, giáo dục phải xuất phát từ những đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng để đề ra các nội dung, cách thức tác động tương ứng và phù hợp.

1. Giáo dục và sự phát triển nhân cách trẻ hài nhi (0 – 1 tuổi)

*** Sự phát triển nhân cách**

Đứa trẻ khi mới sinh ra chỉ là một sinh vật mang mầm mống người, nhân cách chưa hình thành. Thông qua sự giao lưu với những người lớn trực tiếp chăm sóc (cha mẹ, ông bà, mẹ nuôi...) trẻ hành nhi mới học được cách hòa nhập với cuộc sống xã hội ở ngoài bụng mẹ. Sự phát triển của trẻ hài nhi chủ yếu là về mặt cơ thể được thể hiện ở những tiến bộ trong các hoạt động của các giác quan và của vận động (nhìn, nghe, ngửi, nếm, lật, ngồi, bò, đứng, đi, cầm nắm...). Chiều hướng phát triển của các giác quan và vận động cơ thể trong giai đoạn này cũng nói lên tính chất và mức độ phát triển về trí tuệ và tinh thần của đứa trẻ.

*** Nội dung giáo dục**

- Thúc đẩy nhanh sự hoàn thiện của các giác quan và vận động cơ thể.
- Cho trẻ tiếp xúc, làm quen dần với thế giới đồ vật để dần dần hình thành thái độ và phương thức tác động vào đồ vật sau này.

*** Cách thức giáo dục**

- Người lớn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua sự giao lưu tiếp xúc và đáp ứng các nhu cầu của trẻ. Tùy theo cách thức chăm sóc, nuôi dưỡng, tùy theo thái độ cư xử của người lớn đối với trẻ mà đứa trẻ nhận được các loại ấn tượng, hình thành các thói quen hành vi trong nếp sống và sinh hoạt sau này (ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân...). Ngoài ra cách tiếp xúc với trẻ em và tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với thế giới cũng giúp đứa trẻ cảm nhận, hình thành được các loại cảm xúc, các thái độ đối với đồ vật, con người... làm nền tảng để sau này trẻ có kinh nghiệm cư xử với thế giới xung quanh.

2. Giáo dục và sự phát triển nhân cách trẻ ấu nhi (1 – 3 tuổi)

*** Sự phát triển nhân cách**

Đây là giai đoạn trẻ ấu nhi nhận được các tác động xã hội hóa một cách phong phú và mạnh mẽ. Nhờ các tiến bộ về cơ thể và tâm lý, đặc biệt là với ba thành tựu lớn: luyện tập dáng đi thẳng, hoạt động với đồ vật – công cụ, sự phát triển ngôn ngữ đã góp phần thúc đẩy sự phát triển khả năng tự ý thức của trẻ, một yếu tố thể hiện nhân cách con người.

*** Nội dung giáo dục**

- Giúp trẻ ấu nhi đạt được ba thành tựu của sự phát triển: luyện tập dáng đi thẳng đứng; hướng dẫn, tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc, sử dụng các loại đồ vật theo đúng chức năng và có tính sáng tạo; giúp trẻ phát triển ngôn ngữ (tập cho trẻ nói, diễn đạt suy nghĩ và hiểu điều người khác nói).

- Bước đầu cho trẻ học tập cách thức cư xử theo những qui tắc hành vi trong xã hội đối với người khác (người trong gia đình, cô giáo, bạn bè...)

- Kích thích trẻ phát triển khả năng tư duy ở mức độ trực quan hành động.

*** Cách thức giáo dục**

- Thông qua việc tiếp xúc với những người thân trong gia đình trẻ học được các qui tắc hành vi đối với thế giới xung quanh. Người lớn cần chú ý đến các biểu hiện của mình về lời nói, hành vi, cử chỉ, thái độ đối với trẻ để giúp trẻ có một khuôn mẫu tốt đẹp để noi theo.

- Tạo điều kiện cho trẻ được tiếp xúc với nhiều loại đồ vật khác nhau, hướng dẫn trẻ cách thức sử dụng, kích thích trẻ suy nghĩ, sáng tạo ra trò chơi với các đồ vật ấy.

- Xây dựng những cách thức ứng xử thích hợp với các biến chuyển tâm lý của trẻ (sự tự ý thức, thái độ bướng bỉnh...) để sự phát triển nhân cách của trẻ được thuận lợi.

3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách trẻ mẫu giáo (3 – 6 tuổi)

*** Sự phát triển nhân cách**

Đây là giai đoạn hình thành nhân cách của trẻ thể hiện ở khả năng hành động theo động cơ gián tiếp. Sự hình thành nhân cách lệ thuộc nhiều vào khuôn mẫu hành vi của người lớn mà trẻ em tiếp xúc (cha mẹ, cô giáo, bạn bè, người xung quanh...). Những dấu ấn ban đầu trên nhân cách của trẻ thường được lưu giữ lại. Sự phát triển nhân cách của trẻ trong giai đoạn này chỉ đạt mức

độ thấp nhưng diễn ra với tốc độ cao. Đặc điểm nhân cách trẻ mẫu giáo nổi bật ở khuynh hướng muốn được độc lập hoạt động không có sự kềm kẹp của người lớn, đặc biệt là sự cuốn hút trẻ vào trong các loại trò chơi. Thông qua đó trẻ nắm được các phương thức hành động, định hướng và ý thức được các chuẩn mực trong các mối quan hệ giữa người với người và với thế giới xung quanh

*** Nội dung giáo dục**

- Hình thành những nét nhân cách tốt đẹp làm cơ sở cho một nhân cách hoàn thiện sau này thông qua sự gương mẫu trong nhân cách của nhà giáo dục.

- Phát triển các khả năng tâm lý của trẻ như: trí tưởng tượng, khả năng tư duy, trí nhớ, các loại tình cảm cấp cao... như những phương tiện giúp trẻ thu nhận các tác động giáo dục.

- Tiếp tục trang bị cho trẻ những qui tắc ứng xử trong cuộc sống xã hội .

- Giúp trẻ hình thành tâm thế đi học trường phổ thông vào cuối tuổi mẫu giáo.

*** Cách thức giáo dục**

- Thông qua sự gương mẫu của các nhà giáo dục như: cha mẹ, cô giáo ...

- Tổ chức cho trẻ tham gia các loại trò chơi bổ ích, thích hợp với lứa tuổi : sắm vai, học tập, vận động...

- Đưa trẻ tham gia vào các loại quan hệ để rèn luyện cách thức cư xử phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

4. Giáo dục và sự phát triển nhân cách học sinh tiểu học (6 – 11 tuổi)

*** Sự phát triển nhân cách**

Đây là giai đoạn học sinh bắt đầu tham gia vào hoạt động học tập mang tính xã hội hóa mạnh mẽ để tiếp nhận hệ thống tri thức khoa học của loài người. Dưới ảnh hưởng của hoạt động học tập, nhân cách của học sinh có nhiều biến đổi phong phú và sâu sắc. Đặc điểm nhân cách của học sinh tiểu học nổi bật ở những nét sau :

- Khả năng nhận thức phát triển nhanh chóng nhờ hoạt động học tập.

- Đời sống xúc cảm, tình cảm chiếm ưu thế hơn và chi phối mạnh mẽ đến các hoạt động, nhận thức của trẻ.

- Tính hồn nhiên, vui tươi hướng về những cảm xúc tích cực.

- Hay bắt chước những người gần gũi, có uy tín với trẻ (cha mẹ, thầy cô, bạn bè...)

- Hành vi ý chí chưa cao, bản tính hiếu động, khó kềm chế, kém tự chủ nên dễ phạm lỗi, nhất là đối với các yêu cầu có tính nghiêm ngặt, đòi hỏi sự tập trung cao độ, gây căng thẳng.

Nhân cách của học sinh tiểu học chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: gia đình, nhà trường, xã hội. Trong đó những ảnh hưởng từ cha mẹ, thầy cô là rất quan trọng vào đầu tuổi và sau đó là các ảnh hưởng từ bạn bè và phương tiện thông tin đại chúng, sách báo, phim ảnh...

*** Nội dung giáo dục**

- Phát triển khả năng nhận thức và phẩm chất trí tuệ thông qua hoạt động học tập.

- Rèn luyện tác phong và các thói quen hành vi đạo đức cơ bản của con người theo chuẩn mực xã hội.

- Khắc phục dần các nhược điểm trong đời sống tình cảm (tính hay thay đổi, cách biểu lộ tình cảm không phù hợp...), giúp trẻ biết cảm nhận và biểu lộ tình cảm của mình.

- Rèn luyện các phẩm chất của hành vi ý chí (tính tự chủ, độc lập, khả năng tự kềm chế...)

- Giúp trẻ biết chọn lựa, thu nhận những tác động lành mạnh từ những phương tiện thông tin.

*** Cách thức giáo dục**

- Lấy sự gương mẫu của các nhà giáo dục làm phương tiện giáo dục.

- Xây dựng, hướng dẫn các nhóm bạn bè của trẻ để tạo nên những ảnh hưởng tích cực trên nhân cách.

- Tổ chức, quản lý chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng.

- Căn cứ trên những nhu cầu của lứa tuổi để tổ chức , hướng dẫn trẻ tham gia các hoạt động cần thiết cho sự phát triển như: học tập, vui chơi, lao động, hoạt động xã hội...

5. Giáo dục và sự phát triển nhân cách học sinh trung học cơ sở (11 – 15 tuổi)

*** Sự phát triển nhân cách**

Sự phát triển tâm lý, nhân cách của thiếu niên có nhiều biến động và rất phức tạp, gây ra những khó khăn trong nội tâm thiếu niên cũng như trong mối quan hệ giữa người lớn với các em. Cùng với những biến đổi quan trọng trong cơ thể liên quan đến sự phát triển giới tính, đời sống tâm lý của các em xuất hiện những nhu cầu tâm lý mới như: khuynh hướng muốn làm người lớn (muốn sống tự lập, muốn làm những việc có ý nghĩa), nhu cầu tự khẳng định mình (khẳng định giá trị và phẩm chất, năng lực của bản thân)... Những thúc đẩy tâm lý này thường được thỏa mãn trong quan hệ bạn bè của thiếu niên, nên những tác động từ cha mẹ, giáo viên có khi bị giảm nhẹ trước các chi phối của những bạn bè cùng lứa. Tuổi thiếu niên hay có những suy nghĩ mạnh dạn và có tính tuyệt đối. Các em đòi hỏi và mong muốn được đáp ứng mà ít chịu suy xét điều kiện thỏa mãn. Tình cảm rất phức tạp, mạnh mẽ, dễ đưa đến kiểu hành động quá khích, gây hấn.

*** Nội dung giáo dục**

- Tiếp tục phát triển các khả năng trí tuệ và rèn luyện tác phong đạo đức cho thiếu niên.
- Giúp thiếu niên có những hiểu biết cần thiết về giới tính, về các chuẩn mực trong quan hệ cư xử với người khác giới.

- Tạo điều kiện cho thiếu niên thỏa mãn các nhu cầu tâm lý một cách hợp lý và lành mạnh,

*** Cách thức giáo dục**

- Nhà giáo cần đóng vai trò là người bạn lớn tuổi, gần gũi, đáng tin cậy của thiếu niên để có thể kịp thời giúp các em vượt qua những khó khăn trong sự phát triển của bản thân.

- Xây dựng, hướng dẫn các nhóm bạn của thiếu niên đi vào các hoạt động cần thiết cho sự phát triển lứa tuổi.

- Tổ chức các loại hình hoạt động đáp ứng những nhu cầu nhận thức và vui chơi của thiếu niên.

6. Giáo dục và sự phát triển nhân cách học sinh trung học phổ thông (15 – 18t)

*** Sự phát triển nhân cách**

Nhân cách đang trong giai đoạn định hình với nội dung phong phú và có chiều sâu. So với học sinh THCS, học sinh trung học phổ thông có khả năng nhận thức hoàn thiện hơn, các em có thể tìm hiểu sâu và nắm được bản chất của vấn đề chứ không nhìn nhận sự việc cách nông nổi và phiến diện. Nếu được khuyến khích sẽ có những suy nghĩ, mạnh dạn độc đáo. Xem xét các hoạt động và sản phẩm trí tuệ của các em thể hiện trong hoạt động học tập hoặc sinh hoạt ngoại khóa, chúng ta dễ nhận ra sự tiến bộ nhanh chóng về mặt nhận thức của các em. Trên một bài báo tường, một học sinh lớp 11 đã viết: “*Vậy đó, trong vòng tay của cha mẹ, thầy cô, bạn bè, em đã lớn, mười sáu, mười bảy tuổi. Mười sáu hay mười bảy, cái tuổi của một thời mộng mơ dạt dào chắp cánh cho bao kỳ vọng vươn lên. Giờ đây em đã thôi làm thơ ca ngợi đoá hồng trước ngõ mà biết rằng con người phải đổ bao nhiêu máu xương cho đất nở được hoa hồng; em thôi mơ làm công chúa hay hoàng tử trên tiên giới, mà muốn rằng hôm nay, mình phải sống xứng đáng, biết cho đi và quên mình trong hạnh phúc chung...*”

Đời sống nội tâm phát triển, các em ý thức rõ rệt hơn về cái tôi và thích hình dung về hình ảnh bản thân. Nhu cầu bộc lộ bản thân để tự khẳng định trở nên mạnh mẽ hơn, các em thích chia sẻ với bạn bè hoặc đối diện với chính mình trên những trang nhật ký. Học sinh trung học cũng mang nhiều suy nghĩ về kế hoạch cuộc đời và định hướng nghề nghiệp trong tương lai, điều này bị chi phối bởi thần tượng của các em. Việc lựa chọn thần tượng lại phụ thuộc vào khả năng xác định hình ảnh bản thân của các em. Những học sinh không nhận thức rõ về bản thân thường định hướng vào những thần tượng xa vời với khả năng phấn đấu, do đó thường nhanh chóng thay đổi thần tượng và càng hoang mang về bản thân. Lứa tuổi này cũng đã quan tâm đến tình cảm giữa nam và nữ nhưng chưa đủ điều kiện để xây dựng tình yêu đôi lứa bền vững. Hoạt động học tập vẫn là hoạt động quan trọng cho sự phát triển nhân cách và cuộc sống tương lai của các em.

*** Nội dung giáo dục**

- Trang bị cho thanh niên những hiểu biết về tính chất và cách thức cư xử trong tình bạn, tình yêu.

- Hướng dẫn thanh niên xây dựng kế hoạch cuộc đời phù hợp với sự phát triển cá nhân trong xã hội.

- Giúp thanh niên xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, và biết định hướng vào hệ thống giá trị lành mạnh, tích cực theo chuẩn mực xã hội.

- Tạo điều kiện cho thanh niên lựa chọn đúng loại nghề nghiệp của bản thân bằng cách cung cấp thông tin về các loại nghề nghiệp trong xã hội (đặc điểm, nhu cầu của nghề đối với người lao động). Xác định cho các em biết những nghề nghiệp mà địa phương đang có nhu cầu phát triển. Giúp học sinh THPT nhận ra hứng thú nghề nghiệp và khả năng tương ứng của bản thân.

*** Cách thức giáo dục**

- Xây dựng một cách đa dạng, phong phú các loại hình hoạt động sôi nổi, hấp dẫn lôi cuốn thanh niên tham gia để phát triển nhân cách lành mạnh.

- Tăng cường các ảnh hưởng tích cực qua phương tiện thông tin đại chúng đến lứa tuổi thanh niên (sản xuất phim ảnh, xuất bản sách, phát hành các loại báo chí thích hợp)

- Xây dựng hệ thống giá trị đáp ứng yêu cầu của thời đại và tuyên truyền, thuyết phục thanh niên có niềm tin lựa chọn các giá trị được xã hội đánh giá cao.

- Nhà giáo dục thật sự là người bạn đáng tin cậy đối với họ, có thái độ tôn trọng, khuyến khích các khả năng sáng tạo, độc đáo của thanh niên.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP CHƯƠNG 2

1. *Nêu khái niệm nhân cách và sự phát triển nhân cách?*
2. *Trình bày vai trò của yếu tố di truyền, môi trường và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách*
3. *Phân tích vai trò của yếu tố giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách*
4. *Lứa tuổi học sinh THPT có những đặc điểm nhân cách như thế nào? Những nội dung và cách thức giáo dục đối với lứa tuổi này là gì ?*
5. *Sưu tầm một số câu tục ngữ, ca dao, danh ngôn, quan niệm... nói về ảnh hưởng của các yếu tố đến sự phát triển nhân cách và trình bày quan điểm cá nhân về các quan niệm đó.*

Chương 3

MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC

A. MỤC TIÊU HỌC TẬP

-Phân biệt và nêu rõ được mối quan hệ giữa mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và các con đường giáo dục.

-Nhận biết và lý giải được :

+Hệ thống giáo dục Việt Nam,

+Ý nghĩa của việc xác định mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục,

+Các cơ sở xác định mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục,

+Các hoạt động (con đường) giáo dục.

-Nhận xét và so sánh được các mục tiêu giáo dục tổng quát và mục tiêu giáo dục của các cấp học, bậc học.

-Phân tích và chứng minh được các điều kiện cần và đủ của mục tiêu giáo dục và nhận xét thực trạng của các điều kiện đó ở VN hiện nay.

-Hình thành và phát triển kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

-Phát triển kỹ năng tự học và học nhóm.

-Phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo học tập.

B. CÂU HỎI ĐỊNH HƯỚNG HỌC TẬP

B1. Câu hỏi khái quát

-Vì sao cần có giáo dục, cần có nhà trường?

-Giáo viên cần phải làm gì để giáo dục học sinh tốt hơn?

-Bạn có những đề nghị gì để giáo dục Việt Nam phát triển hiệu quả hơn?

B2. Câu hỏi bài học

-Vì sao cần phải xác định mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục?

- Mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục ở trường THPT Việt Nam hiện nay là gì?

-Chúng ta cần phải làm gì và làm như thế nào để thực hiện tốt mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục?

B3. Câu hỏi nội dung

-Phân tích khái niệm, ý nghĩa, cơ sở xác định mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục.

-Trình bày và lý giải hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, các mục tiêu giáo dục tổng quát, mục tiêu giáo dục của các bậc học, ngành học, mục tiêu giáo dục THPT.

-Lý giải về mối quan hệ giữa mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục?

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO THÊM

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (1995), *Giáo dục học đại cương I* – chương trình giáo trình đại học.
- Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học, tập 1*, NXB Giáo dục, HN.
- Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên 2005), *Giáo trình Giáo dục học, tập 1*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
- Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục HN.

D. NỘI DUNG

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU GIÁO DỤC

1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xác định mục đích, mục tiêu giáo dục

1.1. Khái niệm về mục đích, mục tiêu giáo dục

a. Mục đích, mục tiêu

Trước khi tiến hành một hoạt động nhất định, con người có khả năng ý thức trước sự cần thiết của hoạt động, dự kiến trước kết quả của hoạt động. Khái niệm mục đích, mục tiêu xuất

hiện đầu tiên trong lịch sử là từ hoạt động của người lính; ví dụ như khi tập bắn thì đích mà người tập ngắm để bắn trúng có thể là cái bia... Người tập bắn nhìn thấy đối tượng cần bắn trúng (cái bia). Cho nên mục đích ở đây là nhìn thấy cái đích cần bắn trúng là cái bia. Từ đó các khái niệm này được sử dụng trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống như : trước khi làm ngôi nhà ... người ta thường hình dung (dự kiến) trước ngôi nhà sẽ làm... Như vậy, trước khi thực hiện hoạt động nào đó, con người đã xác định được đích đến của hoạt động, hoạt động để làm gì?

Mục đích được hiểu là sự dự kiến trước (hình dung trước) kết quả của hoạt động.

Để hình dung rõ hơn mục đích cần phân tích mục đích ra thành các mục tiêu.

Mục tiêu được hiểu là sự cụ thể hóa của mục đích, hình dung mục đích theo các giai đoạn, cấp độ, phạm vi, mức độ nhất định với kết quả cụ thể.

Mục tiêu có thể xem xét ở tầm chiến lược (định hướng) và ở phạm vi tác nghiệp (hoạt động). Khi xác định mục tiêu thường dự kiến về số lượng, chất lượng, cơ cấu, chế độ và thể chế.

- Mục tiêu (MT) về số lượng là dự kiến số lượng sản phẩm sẽ đạt được. Ví dụ như số lượng học sinh vào học, lên lớp, ra trường; số lượng giáo viên đạt chuẩn, vượt chuẩn; số lượng trường học (mầm non, phổ thông, dạy nghề, cao đẳng, đại học)...

- MT về chất lượng là dự kiến sẽ đạt được các yêu cầu của chất lượng sản phẩm. Ví dụ như chất lượng tuyển sinh, chất lượng về học lực và hạnh kiểm, chất lượng tốt nghiệp; Trường chất lượng cao, đào tạo nhân tài và người lao động chất lượng cao...

- MT về cơ cấu là dự kiến về các thành phần, cấu trúc đảm bảo cân đối, phù hợp, phong phú, toàn diện. Ví dụ như cơ cấu các môn học trong chương trình giáo dục, ngành nghề đào tạo nhân lực, nhân tài, các loại hình trường lớp đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ trong giai đoạn hiện nay...

- MT về thể chế là xem xét các chế độ, chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển con người và xã hội. Ví dụ như xây dựng thể chế giáo dục hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa có cơ cấu hợp lý, hoàn chỉnh, toàn diện, chế độ linh hoạt, đa dạng; Phát triển các loại hình trường lớp ngoài công lập, cho phép mở các trường học của người nước ngoài; đảm bảo chế độ tiền lương cho nhà giáo; khuyến khích và tạo điều kiện cho việc học và học lên cao...

Liên quan mật thiết với mục tiêu là kết quả đạt được so với mục tiêu. Kết quả chính là mức độ đạt được mục tiêu về các mặt nói trên (số lượng, chất lượng, cơ cấu, thể chế).

b. Mục đích, mục tiêu giáo dục

Giáo dục là một quá trình (có mở đầu, diễn biến, kết thúc) hay được hiểu là một hoạt động (chủ thể và đối tượng hoạt động). Kết quả của quá trình giáo dục hay của hoạt động giáo dục trước hết là sự biến đổi nhân cách của người được giáo dục.

Theo cách hiểu mục đích như trình bày ở trên thì *mục đích giáo dục* là sự dự kiến trước kết quả của hoạt động giáo dục. Kết quả của hoạt động giáo dục chính là nhân cách của người được giáo dục. Vì vậy có thể hiểu *mục đích giáo dục là mô hình nhân cách của con người (người học) mà giáo dục cần đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội trong một giai đoạn lịch sử cụ thể.*

Mục đích giáo dục có thể được hình dung ở các cấp độ vĩ mô và vi mô. Cấp độ vĩ mô hay còn gọi là mục đích giáo dục tổng quát là nhấn mạnh mục đích chung của toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, phản ánh các yêu cầu của xã hội đối với một nền giáo dục. Chẳng hạn mục đích giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân là trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và nhân tài của một quốc gia ở một giai đoạn lịch sử nhất định. Cấp độ vi mô hay còn gọi là mục tiêu giáo dục thể hiện ở từng bậc học, cấp học, ngành học... Ở các giai đoạn nhất định như là mục tiêu giáo dục mầm non, phổ thông (mục tiêu giáo dục tiểu học, THCS, THPT), mục tiêu giáo dục đại học...

Mục đích, mục tiêu giáo dục có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đó là mối quan hệ gắn bó, hữu cơ giữa cái toàn thể và cái bộ phận, giữa cái chung và cái riêng. Mục tiêu giáo dục là thành phần, bộ phận cấu thành của mục đích giáo dục. Việc xác định và thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục là góp phần thực hiện mục đích giáo dục tổng thể.

Tóm lại, mục đích giáo dục là một phạm trù cơ bản của Giáo dục học phản ánh trước kết quả mong muốn trong tương lai của hoạt động giáo dục. Đó là yêu cầu, là ước mơ và hy vọng vào tương lai của sự phát triển con người, phát triển xã hội.

1.2. Ý nghĩa của việc xác định mục đích, mục tiêu giáo dục

Mục đích, mục tiêu giáo dục có giá trị *định hướng* cho toàn bộ hoạt động giáo dục. Ở tầm vĩ mô, việc xác định mục đích giáo dục thường là do các cấp lãnh đạo - quản lý giáo dục thực hiện, đảm bảo cho hệ thống giáo dục phát triển thống nhất với sự phát triển về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa... của đất nước; góp phần thực hiện mục tiêu: “*Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”. Ở các trường học, việc xác định rõ mục tiêu của hoạt động giáo dục sẽ định hướng cho việc chọn lựa, sử dụng và điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục.

Mục đích, mục tiêu giáo dục còn là *tiêu chuẩn, thước đo* đánh giá chất lượng giáo dục. Xem xét chất lượng đầu vào, đầu ra để quyết định tuyển sinh, tuyển dụng, so sánh chất lượng tuyển sinh và yêu cầu về chất lượng tốt nghiệp để quyết định tổ chức các hoạt động giáo dục và huy động các nguồn lực đáp ứng yêu cầu của chất lượng giáo dục.

Việc xác định đúng đắn mục đích, mục tiêu giáo dục có tác dụng kích thích tích cực hoạt động của con người, tạo động lực cho hoạt động giáo dục. Việc xác định mục đích, mục tiêu giáo dục thường hay quan tâm đến nhu cầu của cuộc sống, của cá nhân do đó nó có sức hấp dẫn, tạo ra nhu cầu, động cơ cho hoạt động của người học và cả người dạy. Vì vậy cần hướng dẫn, tư vấn cho người học xác định và lựa chọn mục tiêu giáo dục.

2. Cơ sở xác định mục đích giáo dục

Lịch sử phát triển giáo dục về cả thực tiễn và lí luận cho thấy có mối quan hệ biện chứng giữa sự phát triển giáo dục, phát triển nhân cách với sự phát triển xã hội về kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ..., với những điều kiện và hoàn cảnh thực hiện giáo dục. Từ mối quan hệ biện chứng đó có thể tìm thấy các cơ sở lí luận và thực tiễn của việc xác định mục đích giáo dục.

2.1. Quan điểm về sự hình thành và phát triển nhân cách

Nhân cách được hình thành và phát triển dưới những ảnh hưởng của các yếu tố: di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động - giao tiếp cá nhân. Sự tương tác biện chứng giữa cá nhân và môi trường thông qua hoạt động và giao tiếp cá nhân làm cho nhân cách hình thành và phát triển. C.Mác đã nói: hoàn cảnh sáng tạo ra con người trong chừng mực con người sáng tạo ra hoàn cảnh.

Giáo dục là hoạt động được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch, có nội dung, phương pháp khoa học... nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người phù hợp với những yêu cầu của xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định. Tính định hướng của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách biểu hiện thông qua việc giáo dục có thể thiết kế được mô hình nhân cách có tính toàn vẹn của con người trong xu thế phát triển và tiến bộ xã hội và thiết kế được mục tiêu giáo dục cho các giai đoạn khác nhau. Quan điểm về vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách là quan điểm rất cơ bản trong Giáo dục học, nó vừa định hướng cho sự phát triển giáo dục, phát triển kinh tế - xã hội và phát triển con người trong xã hội công nghiệp hiện đại.

2.2. Quan điểm về con người phát triển toàn diện và sự phát triển toàn diện nhân cách

Các quan điểm hướng vào sự phát triển toàn diện nhân cách con người đã có một bề dày trong lịch sử. Nhưng ở mỗi quốc gia, mỗi thời kỳ lịch sử, khái niệm phát triển toàn diện nhân cách có một nội dung riêng. Sự phát triển của các quan điểm về sự phát triển toàn diện nhân cách con người trong lịch sử là cơ sở lí luận để xây dựng mục đích giáo dục.

Con người phát triển toàn diện là yêu cầu tất yếu, khách quan của xã hội công nghiệp hiện đại (với những đặc điểm cơ bản như: thay đổi nhanh và tính đa dạng, phong phú ngày càng cao); nhưng để phát triển toàn diện nhân cách cần có những điều kiện nhất định tùy theo khả năng, mong muốn cùng với sự nỗ lực cố gắng của mỗi người và cộng đồng.

Từ những cơ sở khoa học, Mác – Ăng ghen đã chỉ ra mô hình về con người phát triển toàn diện của xã hội tương lai: là con người phát triển về cả trí tuệ, đạo đức, sức khỏe, lao động và thẩm mỹ; hài hòa về thể chất và tâm hồn, hài hòa giữa cuộc sống cá nhân và xã hội, giữa cái chung và cái riêng. Phát triển toàn diện nhân cách là phát triển hết khả năng, đặc tính vốn có của từng cá nhân; chứ không phải là làm cho tất cả mọi người đều hoàn toàn giống nhau, đều làm giỏi tất cả mọi việc như nhau.

Con người phát triển toàn diện là ước mơ từ ngàn xưa của loài người và là yêu cầu khách quan phù hợp với ước mơ chủ quan của mỗi người trong xã hội hiện đại. Và chỉ có trong xã hội hiện đại, tiến bộ với có đủ điều kiện để phát triển con người toàn diện.

Trong lịch sử cũng như trong xã hội hiện đại, việc phát triển toàn diện cho thế hệ đang lớn lên với những đặc trưng bản chất trên vẫn là mục đích lý tưởng của nền giáo dục các nước.

2.3. Những đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại

Cuộc cách mạng KH – CN hiện đại, khởi đầu từ giữa thế kỷ XX ngày càng phát triển với những bước đi thần tốc. Việc áp dụng những thành tựu KH – CN làm thay đổi nhanh chóng và sâu sắc đời sống vật chất và tinh thần của xã hội. Khoa học trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp và nòng cốt, là động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như “vũ bão” đã thể hiện rõ nét ở các yếu tố sau:

- “Bùng nổ” thông tin và sự lạc hậu nhanh chóng của thông tin.
- Việc sử dụng các thế hệ máy tính điện tử và các phương tiện công nghệ hiện đại vào sản xuất và đời sống ngày càng được gia tăng nhanh chóng.
- Việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học – công nghệ vào sản xuất và đời sống đang là cơ hội và thách thức đối với các quốc gia đang phát triển và chính những con người của các quốc gia ấy.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ với những đặc điểm nói trên đòi hỏi con người phải có khả năng cập nhật và ứng dụng thông tin - công nghệ tiên tiến, sử dụng được phương tiện hiện đại. Khả năng tự học để học suốt đời là yêu cầu tất yếu đối với con người trong thời đại ngày nay.

Xu thế phát triển của xã hội ngày nay cũng đang đặt ra những yêu cầu mới đối với con người, đó là:

- Sự hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin
 - Xu thế toàn cầu hóa, xu thế hội nhập, giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng và thân thiện.
 - Ước muốn về chung sống hòa bình, dân chủ, bình đẳng, công bằng và khả năng gìn giữ hòa bình đang được củng cố.
 - Các vấn đề có tính toàn cầu như xung đột về sắc tộc, dân tộc, tôn giáo; dân số và sự di cư tìm kiếm việc làm, suy giảm môi trường và sinh thái, phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, nạn thất nghiệp... đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm giải quyết.
 - Tệ nạn xã hội và bạo hành đang có xu hướng gia tăng trong các nhà trường.
- Tất cả các vấn đề trên cần được đặt ra, xem xét và giải quyết bắt đầu từ giáo dục, bằng giáo dục.

2.4. Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam

Từ những thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Việt Nam chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước. Sự biến chuyển của nền kinh tế - xã hội đã ảnh hưởng tích cực đến mỗi cá nhân như:

- Phát huy cao độ tính tích cực, sáng tạo của con người, kích thích con người nắm bắt nhanh nhạy yêu cầu của kinh tế - xã hội.
- Đòi hỏi thế hệ trẻ Việt Nam khả năng thích nghi trước những biến đổi của môi trường kinh tế - xã hội, năng động và sáng tạo, có tri thức văn hoá, khoa học, có kỹ thuật nghề nghiệp vững vàng, có phẩm chất đạo đức và thái độ đúng đắn...

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 là: *“Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại hoá”*. Từ đó Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo (2001-2010) với những quan điểm chủ yếu là:

- Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy, là điều kiện cơ bản đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu kinh tế – xã hội.

- Giáo dục và đào tạo phải đi trước sự phát triển kinh tế - xã hội
- Đầu tư cho giáo dục là một hướng chính của đầu tư phát triển.
- Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, thực hiện công bằng trong giáo dục.
- Giáo dục và đào tạo phải gắn chặt với yêu cầu phát triển của đất nước và phù hợp với tiến bộ của thời đại.

2.5. Những đặc điểm truyền thống của dân tộc Việt Nam

“Giá trị truyền thống của 1 dân tộc là nguyên lý đạo đức lớn mà con người trong nước thuộc các thời đại, các giai đoạn lịch sử đều dựa vào để phân biệt phải trái, để nhận định nên chăng nhằm xây dựng độc lập tự do và tiến bộ của dân tộc đó”. (GS. Trần Văn Giàu). Dân tộc Việt Nam có bề dày lịch sử trên 4000 năm văn hiến đã hun đúc được những truyền thống có giá trị trong quá trình dựng nước và giữ nước:

- Truyền thống yêu nước, anh hùng
- Truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, lạc quan.
- Truyền thống nhân ái
- Truyền thống văn hóa lâu đời.

Các giá trị truyền thống đó phải được kế thừa, gìn giữ và phát huy sẽ trở thành nội lực tiềm năng, sức mạnh của con người Việt Nam...

3. Mục đích giáo dục Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa (CNH – HĐH)

3.1. Mục đích giáo dục tổng quát

3.1.1. Mục đích giáo dục xét trên bình diện xã hội

Mục đích giáo dục của nền giáo dục XHCN Việt Nam là hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam. Mục đích đó được thể hiện cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của đất nước, gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục đích giáo dục trong giai đoạn hiện nay đã được khẳng định trong Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII (1993) : « *Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài...* »

a. Mục tiêu nâng cao dân trí

Xây dựng nền giáo dục phục vụ sự nghiệp nâng cao dân trí – đó là tư tưởng chỉ đạo toàn bộ sự phát triển giáo dục của nước ta. Bác Hồ đã đúc kết thành chân lý: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”. Vì vậy, ngay sau khi giành độc lập vào tháng 8/1945, một trong những nhiệm vụ cấp bách là làm sao cho mọi người biết đọc, biết viết, có kiến thức, hiểu biết được quyền lợi và bổn phận của mình. Vấn đề nâng cao dân trí trở thành quốc sách và là mục tiêu hàng đầu của nền giáo dục nước ta.

Dân trí được hiểu là trình độ hiểu biết, trình độ văn hóa của người dân trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Dân trí biểu hiện trữ lượng hiểu biết văn hoá của một dân tộc. Mặt bằng dân trí được thể hiện bằng số năm học trung bình của người dân một nước vào một thời điểm nhất định.

Dân trí có liên quan đến hạnh phúc, lối sống của con người, đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đến các vấn đề liên quan đến dân tộc và toàn cầu như vấn đề dân quyền, dân sinh, dân chủ... Một quốc gia có trình độ dân trí cao là quốc gia đó có đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân cao, thể hiện trong đời sống chính trị, văn hóa, đạo đức, truyền thống xã hội, trong ý thức, hành vi của cá nhân...

Hiện nay nước ta đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, nhưng với trình độ này so với các nước trong khu vực và với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chúng ta còn phải phấn đấu nâng cao trình độ dân trí rất nhiều.

Mục tiêu nâng cao dân trí đến 2020:

- Củng cố và nâng cao thành quả phổ cập giáo dục Tiểu học và xoá mù chữ. Thực hiện và hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010 và trung học phổ thông vào năm 2020.
- Xây dựng hoàn chỉnh và phát triển bậc học Mầm non cho hầu hết trẻ em trong độ tuổi.
- Phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, phấn đấu giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng lãnh thổ.

Nâng cao dân trí là kết quả tổng hợp của nhiều lĩnh vực giáo dục như giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội, giáo dục gia đình, tuy nhiên, giáo dục nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc

dân bao giờ cũng giữ vai trò nòng cốt. Để đạt đến trình độ dân trí ngày càng cao, giáo dục luôn phải đổi mới và phát triển liên tục theo hướng nhân văn hoá, xã hội hoá, đa dạng hoá với những phương thức thích hợp, huy động mọi lực lượng, mọi tiềm năng của xã hội làm giáo dục; nâng cao chất lượng và bảo đảm số lượng giáo viên cho toàn bộ hệ thống giáo dục...

b. Mục tiêu đào tạo nhân lực

Nhân lực là lực lượng lao động. Nói đến nguồn nhân lực là nói đến sức mạnh trí tuệ, tay nghề, năng lực, phẩm chất, sức khỏe của nhân lực. Chất lượng và hiệu quả lao động trong thời đại cách mạng khoa học – công nghệ phụ thuộc vào trình độ đào tạo nhân lực. Người lao động có trình độ sẽ luôn luôn tiếp cận với cái mới, năng động sáng tạo trong sản xuất, trong công nghệ, sẽ có năng lực thích nghi cao với những biến động và phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Trong thực tế, nước ta dồi dào về nhân lực (khoảng trên 44 triệu người) nhưng chất lượng thấp, chưa đáp ứng với những yêu cầu của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước. Theo tính toán của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Việt Nam mới có khoảng hơn 20% lực lượng lao động đã qua đào tạo từ sơ cấp trở lên. Trên thực tế, chưa có con số thống kê chính xác về bao nhiêu phần trăm lao động đáp ứng được yêu cầu sử dụng. Hiện chất lượng lao động Việt Nam còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Khi Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới thì chất lượng lao động thấp sẽ có tác động xấu tới khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Đây là ý kiến của phần lớn các chuyên gia lao động khi nói về chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam. Vì vậy mục tiêu đào tạo nhân lực ở nước ta càng trở nên cấp thiết.

Mục tiêu đào tạo nhân lực đến 2020:

- Đào tạo nhân lực cho sự nghiệp CNH - HĐH, trong đó đặc biệt chú ý nhân lực khoa học – công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề, đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực công nghệ ưu tiên (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa), đào tạo nhân lực cho nông thôn để thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Phát triển đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, phấn đấu đến năm 2010 đạt 40% tỷ lệ lao động qua đào tạo ở các trình độ.

- Thay đổi cơ cấu lực lượng lao động đáp ứng với yêu cầu CNH - HĐH...

- Nâng cao chất lượng và bảo đảm đủ số lượng giáo viên cho toàn hệ thống giáo dục. Tiêu chuẩn hóa và hiện đại hóa các điều kiện dạy và học. Phấn đấu sớm có một số cơ sở đại học, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế....

Việc đào tạo nhân lực là trách nhiệm chính của hệ thống giáo dục quốc dân mà trực tiếp ở hệ thống trường đào tạo nghề từ thấp đến cao. Các bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống các trường dạy nghề từ thấp đến cao cần phải đổi mới về mục tiêu, nội dung, phương thức đào tạo, cơ cấu tổ chức hệ thống; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đội ngũ người lao động được đào tạo luôn luôn tiếp cận với cái mới trong kỹ thuật, trong công nghệ, rèn luyện tính năng động, sáng tạo trong sản xuất để họ có thể thích ứng với quá trình biến động và phát triển của nền kinh tế – xã hội đang phát triển trong cơ chế mới, đảm bảo chất lượng đào tạo đi liền với sự phát triển về quy mô đào tạo

c. Mục tiêu bồi dưỡng nhân tài

Nhân tài là những người có tài năng, nghĩa là người thông minh, trí tuệ phát triển, có năng lực làm việc giỏi, có một số phẩm chất nổi bật, giàu tính sáng tạo. Tài có cấu trúc gồm 4 tầng: khiếu (còn gọi là năng khiếu) – năng lực – tài năng – thiên tài. Cấu trúc này được hình thành trên nền tảng những tác động phức tạp qua lại giữa một bên là hoạt động của con người (chủ thể) và một bên là sự phát triển của các yếu tố di truyền được khơi dậy nhờ hoạt động có định hướng của chủ thể.

Nhân tài có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển xã hội. Họ là những người mở ra những mũi đột phá trong văn hóa, khoa học – công nghệ, tạo nên đà phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội và khoa học – kỹ thuật ở một nước. Vì vậy, ở thời đại nào, ở quốc gia nào người tài cũng được coi trọng.

Trong điều kiện đất nước ta, phải đặt ra vấn đề bồi dưỡng nhân tài có khả năng sáng tạo cao, có khả năng khai phá nhanh chóng những con đường mới mẻ, góp phần xây dựng cho đất nước một nền văn hóa, khoa học - công nghệ cao. Muốn vậy:

- Hình thành từng bước những trung tâm chất lượng cao ở các cấp học, bậc học, các trường lớp trọng điểm, có chất lượng cao.

- Mở rộng hệ thống trường lớp năng khiếu, chuyên chọn ở phổ thông. Đào tạo lực lượng công nhân lành nghề bậc cao, phát triển hệ đào tạo bồi dưỡng sau đại học.

- Tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính để hiện thực hóa các chủ trương, tư tưởng chiến lược về bồi dưỡng nhân tài.

- Bồi dưỡng nhân tài phải đi đôi với thu hút và sử dụng nhân tài hợp lý, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức, các nhà khoa học có điều kiện tiếp cận và phát huy tiềm năng của họ.

Việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài là trách nhiệm của cả ba môi trường giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội), trong đó, gia đình giữ vai trò quan trọng.

Tóm lại, ba mục tiêu giáo dục trên có một mối quan hệ thống nhất biện chứng, tác động qua lại với nhau. Vì vậy, để thực hiện thành công sự nghiệp CNH - HĐH đất nước phải tiến hành thực hiện đồng thời 3 mục tiêu: “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

3.1.2. Mục đích giáo dục xét trên bình diện nhân cách

Phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Mục tiêu phát triển con người thực chất là xây dựng và phát triển nhân cách con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển và tiến bộ của xã hội trong thời kì mới – công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Điều 2 của Luật Giáo dục 2005 đã nêu: « Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. »

Thành phần cơ bản trong cấu trúc nhân cách con người Việt Nam trong thời kì mới bao gồm: Thái độ - Kỹ năng - Tri thức

a. Thái độ: Hệ thống thái độ đối với tổ quốc, dân tộc, với lao động, đời sống xã hội, với bản thân như thiết tha với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên cường xây dựng và bảo vệ tổ quốc với công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; kế thừa các giá trị văn hoá nhân loại đồng thời giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc; có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật; có đạo đức trong sáng, phát huy tính tích cực, có sức khoẻ.

b. Kỹ năng: Kỹ năng thực hành giỏi là khả năng vận dụng đúng, thành thạo, sáng tạo những tri thức khoa học và công nghệ đã lĩnh hội vào thực tiễn nghề nghiệp nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có sức cạnh tranh trên thị trường.

c. Tri thức: Làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại có nghĩa là hiểu, nhớ và vận dụng được tri thức khoa học ở cả ba phương diện: sự kiện, hiện tượng; quy luật chi phối sự kiện, hiện tượng (khái niệm và logic của nó); và cách thức hành động với khái niệm để vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo tri thức khoa học đã lĩnh hội trong các tình huống hoạt động khác nhau nhằm tạo ra các giá trị mới cho xã hội và phát triển tư duy sáng tạo ở chủ thể hoạt động.

Ba thành phần thái độ - kỹ năng – tri thức trong cấu trúc nhân cách con người mới Việt Nam có mối quan hệ nhân quả. Thái độ (thế giới quan, lý tưởng, niềm tin, đạo đức) định hướng, hình thành động cơ cho cá nhân trong hoạt động chiếm lĩnh các tri thức khoa học, công nghệ và vận dụng chúng vào hoạt động nghề nghiệp. Mặt khác, tri thức, kỹ năng là điều kiện, phương tiện cho cá nhân thực hiện lý tưởng, bồi dưỡng tình cảm, củng cố niềm tin và các giá trị đạo đức ở cá nhân.

3.2. Mục tiêu giáo dục của các bậc học

Điều 22 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục mầm non: « Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một ».

Điều 27 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục phổ thông :

1. Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

3. Giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

4. Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Điều 33 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp: « Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc.

Dạy nghề nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo ».

Điều 39 của Luật Giáo dục 2005 nêu mục tiêu của giáo dục đại học:

1. Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.

3. Đào tạo trình độ đại học giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

4. Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

5. Đào tạo trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

II. CÁC NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

Để thực hiện mục tiêu giáo dục đã xác định, nhà trường phổ thông cần thực hiện các nhiệm vụ giáo dục cụ thể. Những nhiệm vụ này chứa đựng những nội dung giáo dục toàn diện nhằm phát triển toàn diện nhân cách học sinh.

1. Giáo dục đạo đức

Đức là gốc của nhân cách, Bác Hồ đã nói: “*dạy cũng như học, phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc rất quan trọng*”. Nhân cách của học sinh trước hết thể hiện ở bộ mặt đạo đức. Giáo dục đạo đức là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong các loại hình trường, là nền tảng của các mặt giáo dục khác.

Những nhiệm vụ cụ thể của giáo dục đạo đức:

- Giáo dục cho người học thể giới quan khoa học, hiểu được tính qui luật cơ bản của sự phát triển tự nhiên, xã hội; nhận thức đúng về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi cá nhân với tư cách là những công dân chân chính đối với xã hội và cộng đồng, có ý thức phấn đấu thực hiện tốt

nghĩa vụ của người công dân trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Giáo dục cho người học hiểu và nắm vững những vấn đề cơ bản trong đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, những cơ sở pháp luật của hiến pháp, các luật pháp hiện hành, có ý thức, hành động và lối sống theo pháp luật.

- Giáo dục cho người học thấm nhuần các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức do xã hội qui định về lối sống, phong cách và thái độ ứng xử trong cộng đồng như lòng yêu nước, ý thức dân tộc, thái độ lao động, lòng nhân ái, ý thức công dân...

- Giáo dục cho người học tích cực tham gia các hoạt động lao động, xã hội, chính trị... có ý thức đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, lối sống lạc hậu, lỗi thời không phù hợp với xã hội hiện đại.

2. Giáo dục trí tuệ

Giáo dục trí tuệ (trí dục) có vai trò to lớn trong việc phát triển trí tuệ, là điều kiện quan trọng để phát triển toàn diện nhân cách con người. Nhờ có sự phát triển trí tuệ, con người có phương tiện phát triển nhu cầu nâng cao trình độ học vấn và tự hoàn thiện nhân cách...

Những nhiệm vụ cụ thể của giáo dục trí tuệ:

- Tổ chức, điều khiển người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học, phổ thông, cơ bản, hiện đại, phù hợp với những yêu cầu của thực tiễn về tự nhiên, xã hội, con người

- Rèn luyện cho người học hệ thống kỹ năng, kỹ xảo tương ứng, phát triển năng lực và phẩm chất trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy sáng tạo.

- Bồi dưỡng cho người học thế giới quan khoa học, những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người công dân.

3. Giáo dục thẩm mỹ

Trong nhà trường, giáo dục thẩm mỹ là một bộ phận quan trọng của quá trình giáo dục nhân cách, bởi vì văn hóa thẩm mỹ là một bộ phận hợp thành nền tảng của trình độ văn hóa nói chung. Văn hóa thẩm mỹ của người học bao gồm trình độ phát triển nhất định về mặt thẩm mỹ của ý thức, tình cảm, hoạt động và hành vi. Đó là những rung cảm thẩm mỹ, nhãn quan thẩm mỹ (tri thức, quan niệm, lý thuyết, chuẩn mực về những giá trị thẩm mỹ), hứng thú, nhu cầu, năng lực sáng tạo cái đẹp... Giáo dục thẩm mỹ là quá trình hướng vào việc tổ chức cho người học lĩnh hội những nền tảng của văn hóa thẩm mỹ.

Nhiệm vụ cụ thể của giáo dục thẩm mỹ:

- Giáo dục cho học sinh năng lực nhận thức và cảm thụ cái đẹp trong tự nhiên, trong cuộc sống và trong nghệ thuật, vẻ đẹp chân chính ở mỗi con người.

- Bồi dưỡng cho học sinh những xúc cảm, tình cảm, những thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn trước cái đẹp... Từ đó giáo dục học sinh thái độ đúng đắn khi nhận xét, đánh giá cái đẹp trong cuộc sống cũng như trong nghệ thuật và vẻ đẹp của mỗi con người.

- Bồi dưỡng cho học sinh năng lực vận dụng và sáng tạo cái đẹp trong tự nhiên, trong cuộc sống và nghệ thuật, góp phần làm cho cuộc sống ngày càng đẹp hơn.

3. Giáo dục thể chất

Phát triển thể chất là một mặt quan trọng của sự phát triển toàn diện nhân cách, là quá trình biến đổi và hình thành những thuộc tính tự nhiên về mặt hình thái và về mặt chức năng của cơ thể trong cuộc sống con người. Trong cuộc sống và hoạt động của con người, việc gì cũng cần có sức khỏe mới thành công. Bác Hồ nói: “Mỗi một người dân yếu ớt, tức là nước yếu ớt, mỗi người dân mạnh khỏe tức là nước mạnh khỏe”.

Giáo dục thể chất là một bộ phận hữu cơ của quá trình giáo dục có mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tác động nhằm củng cố sức khỏe và bảo đảm phát triển thể chất đúng đắn cho học sinh, đồng thời phát triển văn hóa thể chất ở họ. Trong quá trình giáo dục, giáo dục thể chất được xem là một nhiệm vụ quan trọng vì nó ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển chung về thể lực, điều chỉnh sự phát triển của cơ thể con người, kể cả những khuyết tật bẩm sinh, làm cho cơ thể trở nên cân đối hài hòa. Giáo dục thể chất cũng có tác dụng rất tích cực đối với trí dục, đức dục, mỹ dục và giáo dục lao động...

Nhiệm vụ cụ thể của giáo dục thể chất:

- Truyền đạt và lĩnh hội hệ thống tri thức phổ thông, cơ bản, hiện đại về thể dục, thể thao, vệ sinh thường thức, giữ gìn, chăm sóc, bảo vệ và phát triển sức khỏe, rèn luyện kỹ năng cơ bản về các bài tập thể dục phổ thông theo chương trình giáo dục thể chất của nhà trường phổ thông.

- Hình thành cho học sinh hứng thú, nhu cầu, ý chí, nghị lực, thói quen rèn luyện TDTT và giữ gìn vệ sinh để nâng cao sức khỏe; Giáo dục học sinh ý thức giữ gìn, bảo vệ và rèn luyện sức khỏe cho học sinh, góp phần phát triển đúng đắn thể chất và nâng cao năng lực làm việc cho cơ thể.

- Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài thể dục thể thao

- Giáo dục cho học sinh những phẩm chất đạo đức khác.

3. Giáo dục lao động

Lao động là một loại hình đặc biệt của con người nhằm sản xuất ra các sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội. Lao động là hoạt động cơ bản của con người và là nguồn gốc của mọi sự tiến bộ xã hội. Lao động cũng là điều kiện cần thiết cho sự phát triển nhân cách mỗi con người...

Giáo dục lao động là một bộ phận hữu cơ của hoạt động giáo dục, là quá trình tổ chức đưa học sinh vào hoạt động lao động và bằng lao động mà hình thành thái độ tích cực đối với lao động, trang bị cho học sinh những tri thức và kỹ năng lao động cần thiết, đồng thời bồi dưỡng những năng lực và phẩm chất của người lao động mới.

Nhiệm vụ của giáo dục lao động:

- Truyền đạt và lĩnh hội hệ thống tri thức cơ bản về các loại hình lao động phổ biến, giúp học sinh nắm vững nguyên tắc chung của lao động, những kỹ năng sử dụng các công cụ lao động phổ thông, phổ biến, những hiểu biết ban đầu về kinh tế, bước đầu hình thành tư duy kỹ thuật, sáng tạo và tổ chức lao động tập thể.

- Hình thành những cơ sở ban đầu của phẩm chất người lao động trong thời đại mới, những thói quen và kỹ năng lao động tập thể, kết hợp lao động trí óc và lao động chân tay, giữ gìn vệ sinh trong lao động...

- Tạo mọi điều kiện hợp lý để học sinh vận dụng tri thức, kỹ năng vào cuộc sống. Giúp học sinh bước đầu đóng góp sức mình xây dựng xã hội.

Các nhiệm vụ giáo dục có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau, đan xen, chứa đựng trong nhau, tạo thành nội dung giáo dục toàn diện nhân cách. Nhiệm vụ này vừa là tiền đề, vừa là điều kiện cho sự vận động và phát triển của các nhiệm vụ khác. Vì vậy trong quá trình thực hiện phải đồng bộ, không được coi nhẹ một nhiệm vụ nào.

III. HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VIỆT NAM

1. Hệ thống chuẩn phân loại giáo dục quốc tế của Unesco

1/ Giáo dục tiền học đường

- Thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi.

- Hoạt động chủ đạo là chơi.

- Đội ngũ giáo viên cũng cần được đào tạo.

- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tổ chức tập trung.

- Có chương trình phù hợp

2/ Giáo dục tiểu học

- bậc học phổ cập (5 - 6 năm).

- Hoạt động chủ đạo là học.

- Đội ngũ giáo viên có trình độ ít nhất là tốt nghiệp trung học sư phạm.

- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc giáo dục toàn diện.

- Tổ chức tập trung.

- Có chương trình và sách giáo khoa phù hợp

3/ Giáo dục trung học cơ sở

- bậc học phổ cập (3 - 4 năm).

- Hoạt động chủ đạo là học.

- Đội ngũ giáo viên có trình độ ít nhất là tốt nghiệp cao đẳng sư phạm.

- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc giáo dục toàn diện.

- Tổ chức tập trung.

- Có chương trình và sách giáo khoa phù hợp

4/ Giáo dục trung học phổ thông

- Thu nhận sinh viên có bằng tốt nghiệp THCS (3 năm).

- Hoạt động chủ đạo là học.

- Đội ngũ giáo viên có trình độ ít nhất là tốt nghiệp đại học sư phạm.

- Cơ sở giáo dục đảm bảo đủ điều kiện cho việc giáo dục toàn diện và hướng nghiệp.

- Tổ chức tập trung.

- Có chương trình và sách giáo khoa phù hợp

5/ Giáo dục sau trung học

- Thu nhận học sinh tốt nghiệp THPT

- Chương trình đào tạo đứng giữa giáo dục THPT và giáo dục cao đẳng, đại học.

- Thời gian học từ 1- 2 - 3 - 4 năm

- Tập trung đào tạo năng lực hoạt động nghề nghiệp

- Bộ GD-ĐT phối hợp với các Bộ chuyên ngành quy định chương trình khung.

6/ Giáo dục cao đẳng, đại học giai đoạn 1 và 2

2. Hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam

Luật giáo dục 2005 qui định hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam bao gồm:

- Giáo dục mầm non

- Giáo dục phổ thông

- Giáo dục nghề nghiệp

- Giáo dục đại học

- Giáo dục thường xuyên.

2.1. Giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

Cơ sở giáo dục mầm non bao gồm:

- Nhà trẻ, nhóm trẻ nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi;

- Trường, lớp mẫu giáo nhận trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi;

- Trường mầm non là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

2.2. Giáo dục phổ thông

* Giáo dục phổ thông bao gồm:

1/ Giáo dục tiểu học được thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi.

2/ Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học, có tuổi là mười một tuổi.

3/ Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, có tuổi là mười lăm tuổi.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định những trường hợp có thể học trước tuổi đối với học sinh phát triển sớm về trí tuệ; học ở tuổi cao hơn tuổi quy định đối với học sinh ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh bị tàn tật, khuyết tật, học sinh kém phát triển về thể lực và trí tuệ, học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh trong diện hộ đói nghèo theo quy định của Nhà nước, học sinh ở nước ngoài về nước; những trường hợp học sinh học vượt lớp, học lưu ban; việc học tiếng Việt của trẻ em người dân tộc thiểu số trước khi vào học lớp một.

* Cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm:

- Trường tiểu học;

- Trường trung học cơ sở;

- Trường trung học phổ thông;

- Trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp.

2.3. Giáo dục nghề nghiệp

* Giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

1/ Trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện từ ba đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

2/ Dạy nghề được thực hiện dưới một năm đối với đào tạo nghề trình độ sơ cấp, từ một đến ba năm đối với đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

* Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- Trường trung cấp chuyên nghiệp

- Trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề (gọi chung là cơ sở dạy nghề).

- Cơ sở dạy nghề có thể được tổ chức độc lập hoặc gắn với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở giáo dục khác.

2.4. Giáo dục đại học

* Giáo dục đại học bao gồm:

1/ Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

2/ Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

3/ Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

4/ Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ hai đến ba năm học đối với người có bằng thạc sĩ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể việc đào tạo trình độ tương đương với trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ ở một số ngành chuyên môn đặc biệt.

* Cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

- Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng;

- Trường đại học đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học; đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi được Thủ tướng Chính phủ giao.

Viện nghiên cứu khoa học đào tạo trình độ tiến sĩ, phối hợp với trường đại học đào tạo trình độ thạc sĩ khi được Thủ tướng Chính phủ giao.

2.5. Giáo dục thường xuyên

Giáo dục thường xuyên giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội.

Nhà nước có chính sách phát triển giáo dục thường xuyên, thực hiện giáo dục cho mọi người, xây dựng xã hội học tập.

Cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm:

- Trung tâm giáo dục thường xuyên được tổ chức tại cấp tỉnh và cấp huyện;

- Trung tâm học tập cộng đồng được tổ chức tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Chương trình giáo dục thường xuyên còn được thực hiện tại các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Trung tâm giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này, không thực hiện các chương trình giáo dục để lấy bằng

tốt nghiệp trung cấp, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học. Trung tâm học tập cộng đồng thực hiện các chương trình giáo dục quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 45 của Luật này.

Cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học khi thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên phải bảo đảm nhiệm vụ đào tạo của mình, chỉ thực hiện chương trình giáo dục quy định tại điểm d khoản 1 Điều 45 của Luật này khi được cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục có thẩm quyền cho phép. Cơ sở giáo dục đại học khi thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên lấy bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học chỉ được liên kết với cơ sở giáo dục tại địa phương là trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh với điều kiện cơ sở giáo dục tại địa phương bảo đảm các yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị và cán bộ quản lý cho việc đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học.

IV. CÁC CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC

Giáo dục là một quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có phương pháp của nhà giáo dục nhằm hình thành, phát triển nhân cách cho thế hệ trẻ theo mục đích giáo dục xác định. Quá trình này được thực hiện bằng các con đường giáo dục. Các con đường giáo dục thực chất là những hoạt động cơ bản được tổ chức với sự tham gia tự giác, tích cực và sáng tạo của học sinh dưới tác động chủ đạo của nhà giáo dục, nhằm hình thành và phát triển nhân cách học sinh theo mục đích, nhiệm vụ giáo dục. Các hoạt động giáo dục bao gồm:

1. Hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học là hoạt động đặc trưng cho bất cứ loại hình nhà trường nào và dạy học chính là một con đường giáo dục. Dạy học được xem là *con đường cơ bản nhất, thuận lợi nhất và có hiệu quả nhất* giúp cho thế hệ trẻ chiếm lĩnh được nội dung học vấn, tự rèn luyện để hoàn thiện nhân cách, thể hiện:

- Dạy học là con đường thuận lợi nhất giúp học sinh với tư cách là chủ thể nhận thức chiếm lĩnh được hệ thống tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại, phù hợp với thực tiễn về tự nhiên, xã hội, tư duy, đồng thời rèn luyện được hệ thống kỹ năng và kỹ xảo tương ứng.

- Dạy học là con đường cơ bản hình thành và phát triển ở học sinh năng lực hoạt động trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy sáng tạo. Thông qua con đường dạy học, học sinh không những tiếp thu hệ thống các giá trị mà còn “*góp phần sáng tạo ra hệ thống các giá trị mới*”.

- Dạy học là một trong những con đường chủ yếu góp phần giáo dục cho HỌC SINH thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và những phẩm chất đạo đức tốt đẹp nói riêng, phát triển nhân cách nói chung.

Những điều kiện để phát huy tính giáo dục của con đường dạy học:

- Dạy học phải hướng vào học sinh, phải lấy học sinh làm trung tâm: tạo mục đích, động cơ, nhu cầu, hứng thú học tập đúng đắn, kích thích được tính tự giác, tích cực độc lập, sáng tạo của học sinh trên cơ sở định hướng, tổ chức, điều khiển của giáo viên

- Hoạt động dạy học phải có trọng tâm, phải ưu tiên cho chất lượng. Muốn vậy phải không ngừng cải tiến và đổi mới phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học...

- Xã hội cần tạo mọi điều kiện bảo đảm cho người học nhận được sự nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, sự hỗ trợ chung về thể chất và tình cảm...

2. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL)

Giáo dục không những được thực hiện qua con đường dạy học trên lớp mà còn qua các HĐGDNGLL. HĐGDNGLL là sự tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của học sinh. HĐGDNGLL nhằm các mục tiêu sau đây:

- củng cố và khắc sâu những kiến thức của các môn học, mở rộng và nâng cao hiểu biết cho học sinh về các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm phong phú thêm vốn tri thức, kinh nghiệm hoạt động tập thể của học sinh.

- Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng cơ bản phù hợp với từng lứa tuổi như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức quản lý, kỹ năng kiểm tra đánh giá... Củng cố, phát triển các hành vi thói quen tốt trong học tập, lao động và công tác xã hội.

- Bồi dưỡng *thái độ* tự giác tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội, hình thành tình cảm chân thành, niềm tin trong sáng với cuộc sống, với quê hương, đất nước, có thái độ đúng đắn đối với tự nhiên, xã hội...

Các loại hình HĐGDNGLL bao gồm:

2.1. Hoạt động lao động

Lao động là hình thức hoạt động đặc biệt của con người, lao động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần nhằm thoả mãn nhu cầu cuộc sống của con người và chính trong lao động con người cũng cải tạo cơ bản bản thân mình... Hoạt động lao động được đưa vào nhà trường với tư cách là một con đường giáo dục có *ý nghĩa* vô cùng quan trọng:

- Lao động là phương tiện hữu hiệu để phát triển các mặt giáo dục toàn diện của nhân cách như trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, thể chất...

- Hoạt động lao động được tổ chức một cách đúng đắn trong nhà trường không những giúp cho học sinh biết làm một số công việc lao động trước mắt mà còn chuẩn bị thiết thực cho học sinh về mặt tâm lý cũng như các phẩm chất và năng lực cần thiết khác để tham gia lao động trong tương lai.

Những dạng hoạt động lao động cơ bản của học sinh như lao động tự phục vụ; Lao động sản xuất; Lao động công ích ...

Một số yêu cầu cơ bản:

- Lao động phải mang *ý nghĩa* giáo dục...

- Đảm bảo tính tập thể, tính vừa sức, tính sáng tạo của hoạt động lao động.

- Đảm bảo tính thường xuyên liên tục của các hoạt động lao động, tăng dần tính phức tạp của hoạt động lao động theo lứa tuổi.

- Tổ chức cho học sinh tự giác, tích cực tham gia vào nhiều hình thức lao động khác nhau, kích thích tính sáng tạo của học sinh trong lao động...

2.2. Hoạt động xã hội – chính trị

Hoạt động xã hội- chính trị là hình thức hoạt động của cá nhân với các mối quan hệ giao tiếp đa dạng trong cộng đồng, trong một môi trường xã hội nhất định. Tham gia vào các hoạt động xã hội, con người được giao lưu với nhiều cá nhân và tập thể khác nhau, nhờ đó các phẩm chất nhân cách của mỗi cá nhân càng phát triển, đồng thời cá nhân cũng góp phần tham gia phát triển xã hội. *Ý nghĩa* của hoạt động xã hội thể hiện:

- Hoạt động xã hội tạo cơ hội và điều kiện cho học sinh thâm nhập vào cuộc sống, gắn bó với cuộc sống, có *ý thức* ngày càng đầy đủ và sâu sắc mình là một thành viên của xã hội. Trong quá trình tham gia vào cuộc sống xã hội học sinh nhận thức và chấp nhận những khuôn mẫu và chuẩn mực xã hội, thích nghi với các chuẩn mực ấy và chuyên chúng thành những giá trị của bản thân.

- Thông qua các hoạt động xã hội, kiến thức của học sinh về con người, về xã hội càng thêm phong phú và mở rộng, kỹ năng giao tiếp, ứng xử có văn hóa với mọi người sẽ đa dạng, sâu sắc và nhuần nhuyễn hơn; trình độ văn hóa và phẩm chất đạo đức của học sinh được nâng cao hơn.

- Các hoạt động xã hội không chỉ đem lại hệ thống giá trị cho cá nhân, tạo điều kiện cho cá nhân thích ứng với nếp sống và các định chế của xã hội, mà còn *tạo điều kiện và cơ hội cho cá nhân đóng góp* sức lực, trí tuệ của mình vào sự phát triển xã hội, phát triển tính tích cực của cá nhân trong việc sáng tạo thêm và làm phong phú kho tàng văn hóa của xã hội.

Nội dung và hình thức hoạt động xã hội rất phong phú và đa dạng. Tùy lứa tuổi học sinh mà chọn những hình thức phù hợp. Đó là những hoạt động có liên quan đến những dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, các hoạt động tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương, dân tộc; các hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện...

Một số yêu cầu khi tổ chức các hoạt động xã hội:

- Nhà trường cần tổ chức nhiều dạng hoạt động xã hội phong phú, đa dạng, có liên quan đến nhiều lĩnh vực phù hợp với những đặc điểm tâm sinh lý học sinh.

- Những hoạt động xã hội cần gắn với cộng đồng, trước hết là với cộng đồng địa phương, tạo nên sự gắn bó giữa học sinh và cộng đồng.

- Cần phát huy tinh thần tự giác, tích cực và sáng tạo, tinh thần tự quản của học sinh. GV đóng vai trò cố vấn, định hướng, hướng dẫn cho học sinh hoạt động.

- Trong quá trình tổ chức các hoạt động xã hội, cần phối hợp với các tổ chức Đoàn, Đội, Hội cha mẹ học sinh...

2.3. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật có tác dụng giáo dục rất tích cực đối với học sinh. Đây được xem là “món ăn tinh thần” không thể thiếu được trong đời sống tập thể hàng ngày:

- Hoạt động văn hóa, nghệ thuật giúp tinh thần học sinh sáng khoái hơn, bớt được những căng thẳng trong việc học tập.

- Hoạt động này giáo dục học sinh biết cách cảm thụ nghệ thuật, cảm thụ cái hay, cái đẹp của con người, của cuộc sống... tạo nên ở học sinh những xúc cảm thẩm mỹ, những tình cảm đẹp đẽ, phát triển tâm hồn tự nhiên, trong sáng.

- Hoạt động này giáo dục cho học sinh những phẩm chất đạo đức như tình yêu quê hương, đất nước, yêu con người.

Nội dung và hình thức hoạt động văn hoá nghệ thuật trong nhà trường rất đa dạng như hát, múa, kể chuyện, ngâm thơ, tấu hài, vẽ, kịch, tạo hình, biểu diễn thời trang...

Những yêu cầu:

- Các hoạt động phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, hứng thú, sở thích học sinh.

- Đảm bảo phát huy, phát triển được tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh, rèn luyện kỹ năng tự quản.

- Đa dạng hóa các hình thức hoạt động văn hoá nghệ thuật, có sự thay đổi liên tục nhằm kích thích, thu hút và phát triển tiềm năng của học sinh.

2.4. Hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch

Vui chơi là một dạng hoạt động có ý nghĩa giáo dục quan trọng:

- Giúp học sinh phát triển nhiều phẩm chất đạo đức như tình thân ái, đoàn kết, lòng trung thực, tinh thần cộng đồng trách nhiệm, khắc phục những nét xấu như tính ích kỷ, chơi trội, giả dối...

- Giúp học sinh có cơ hội nâng cao hiểu biết về tự nhiên, xã hội, phát triển trí thông minh, sáng tạo, phát triển năng khiếu...

- Giúp học sinh phát triển óc thẩm mỹ, cảm thụ cái đẹp, sáng tạo cái đẹp trong cuộc sống

- Giúp học sinh thoải mái dễ chịu, phục hồi sức khoẻ sau những giờ học tập, lao động, phát triển những phẩm chất vận động qua những trò chơi vận động, qua các hoạt động dã ngoại, du lịch...

- Giúp học sinh hình thành và phát triển các kỹ năng hoạt động: tổ chức, điều khiển, thích ứng, giao tiếp, hợp tác, kiểm tra, đánh giá...

Những yêu cầu để hoạt động vui chơi phát huy tốt tác dụng:

- Hoạt động vui chơi phải có nội dung phong phú, hình thức đa dạng, hấp dẫn, các hoạt động vui chơi phải liên quan đến nhiều lĩnh vực như khoa học – kỹ thuật (trò chơi điện tử, đồ vui...), văn học – nghệ thuật (diễn kịch, hài...), văn hoá, TDTT, tham quan du lịch, giải trí thư giãn...

- Kích thích hứng thú và tính tự nguyện tự giác của học sinh trong hoạt động vui chơi dưới sự quản lý của giáo viên.

- Tổ chức các hoạt động vui chơi một cách có kế hoạch với những điều kiện cần thiết (sân bãi, đồ chơi, dụng cụ...).

- Thu hút các lực lượng xã hội và tận dụng các điều kiện có sẵn hợp lý.

Tóm lại, các con đường giáo dục có mối quan hệ biện chứng đan kết, xâm nhập và hỗ trợ nhau. Trong quá trình giáo dục cần tổ chức tốt từng con đường đồng thời phối hợp đồng bộ hài hoà các con đường giáo dục.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP CHƯƠNG 3

1. *Nêu khái niệm và ý nghĩa của việc xác định mục đích, mục tiêu giáo dục*
2. *Trình bày những cơ sở xác định MĐGD*
3. *Phân tích nội dung MĐGD tổng quát và MĐGD nhân cách trong thời kỳ CNH- HĐH đất nước. Nêu MTGD các bậc học, cấp học.*
4. *Trình bày các nhiệm vụ giáo dục toàn diện ở nhà trường phổ thông. Tìm hiểu và nhận xét việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục toàn diện ở một trường phổ thông cụ thể.*
5. *Trình bày cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam theo Luật giáo dục; Các loại hình trường lớp, phương thức đào tạo.*
6. *Trình bày khái niệm, ý nghĩa, yêu cầu tổ chức thực hiện các con đường giáo dục. Tìm hiểu và nhận xét việc thực hiện các con đường giáo dục ở một trường phổ thông cụ thể.*